

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 939 /TB-CHP
V/v công bố
Báo cáo thường niên năm 2020

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Mã chứng khoán: PHP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3859945

Fax: 0225.3859973

Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn

2. Nội dung của thông tin công bố: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/4/2021 tại website www.haiphongport.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm Thông báo:

1. Nghị quyết số 60 /NQ-CHP ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc phê duyệt nội dung và công bố Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

2. Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TKCT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tường Anh

Số: 60 /NQ-CHP

Hải Phòng, ngày 07 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt nội dung và công bố Báo cáo thường niên năm 2020
của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-CHP ngày 02/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3241/QĐ-CHP ngày 30/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quyết định 1237/QĐ-CHP ngày 16/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng số 97/THYK-HĐQT ngày 07/4/2020;

Xét tình hình quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng năm 2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) phê duyệt nội dung và chấp thuận việc thực hiện công bố thông tin đối với Báo cáo thường niên năm 2020 của Cảng Hải Phòng.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ, các Quy chế của Cảng Hải Phòng và pháp luật hiện hành thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị./.

- Nơi nhận: *Handwritten signature*
- Như điều 2;
 - Thành viên HĐQT;
 - Thành viên BKS;
 - Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Minh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
(Tài liệu để công bố thông tin)

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200236845
- Vốn điều lệ: 3.269.600.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.269.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3859.945
- Số fax: 0225.3859.973
- Website: www.haiphongport.com.vn
- Mã cổ phiếu: PHP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Cảng Hải Phòng do Pháp xây dựng từ năm 1874 và chuyển giao lại cho chính quyền cách mạng năm 1955 sau khi Hải Phòng hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 21/3/1956, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện (Nay là Bộ Giao thông vận tải) Nguyễn Trân đã ký Nghị định số 17/NĐ về việc đặt Cảng Hải Phòng trực thuộc ngành vận tải thủy để phụ trách, quản lý Cảng Hải Phòng.

Ngày 25/6/1965, Cục đường biển Việt Nam có Quyết định số 162/QĐ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Cảng Hải Phòng.

Từ những năm 1960, Cảng Hải Phòng bắt đầu được xây dựng và cải tạo lại theo thiết kế quy hoạch nâng cấp Cảng Hải Phòng do Liên Xô giúp đỡ. Đến năm 1982, việc xây dựng cải tạo Cảng cơ bản hoàn thành với 11 cầu tàu có tổng chiều dài khoảng 1.750 m tại khu vực Cảng chính, có thể đón tàu 10.000DWT ra vào để xếp dỡ hàng hóa. Từ năm 1960 đến năm 1985, Cảng Hải Phòng còn hình thành thêm khu vực Cảng Vật Cách, khu vực Cảng Đoạn Xá và Cảng Chùa Vẽ.

Ngày 11/3/1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 376/QĐ/TCCB-LĐ thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Hải Phòng.

Tháng 6 năm 2008, Cảng Hải Phòng chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 3088/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2007 của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 4/2/2013, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 276/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015.

Ngày 15/3/2013, Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 103/QĐ-HHVN về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa trong đó có Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.



Ngày 8/4/2014, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 118/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần.

Ngày 04/7/2014, Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5, hoàn tất việc chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng sang hình thức công ty cổ phần. Cảng Hải Phòng được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 18/7/2014.

Ngày 12/08/2015 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng bắt đầu niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: PHP.

Tại thời điểm chuyển mô hình hoạt động sang công ty cổ phần, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) có 06 đơn vị trực thuộc. Tháng 2/2016, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện chuyển đổi mô hình của 03 đơn vị trực thuộc sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu, gồm Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng. Từ thời điểm đó đến nay, Cảng Hải Phòng còn 02 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Tân Vũ và chi nhánh Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của công ty, Cảng Hải Phòng đã thực hiện tái sắp xếp các phòng nghiệp vụ trong giai đoạn 2014-2019 số lượng phòng nghiệp vụ của Cảng Hải Phòng cũng có sự thay đổi, từ 10 phòng nghiệp vụ thành 6 phòng và 02 trung tâm như hiện nay.

Về định hướng phát triển dài hạn của công ty, ngày 09/10/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã ký Quyết định số 1323/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu các bến cảng container quốc tế số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng – Cảng Hải Phòng. Dự án sẽ được khởi công xây dựng từ năm 2020 và hoàn thành vào năm 2025. Trong đó, bến số 3 sẽ được đưa vào khai thác từ năm 2022.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được	8299

STT	Tên ngành	Mã ngành
	phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container	3319
10	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
11	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề	8531
12	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp	8532
13	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Lai dắt và hỗ trợ tàu biển	5222
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Cầu tàu, bến bãi	4299
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
18	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
19	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm quầy bar)	5630
20	Cho thuê xe có động cơ	7710
21	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa, cho thuê thiết bị nâng hạ.	7730

2.2 Địa bàn kinh doanh: Tại thành phố Hải Phòng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

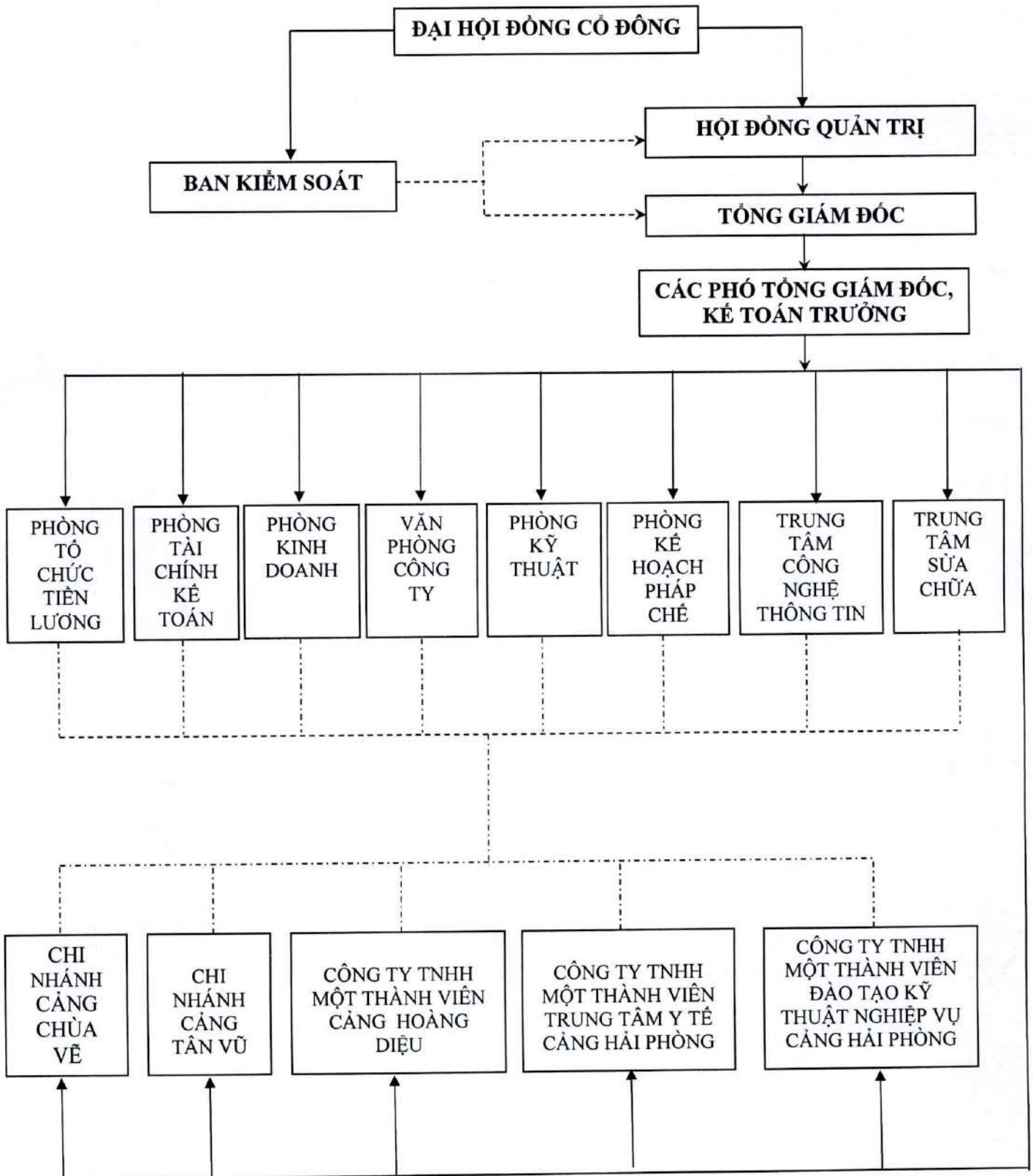
3.1 Mô hình quản trị

Trong năm 2020, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) có mô hình quản trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Doanh nghiệp năm 2014 với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo thường niên, mô hình quản trị của Cảng Hải Phòng không có thay đổi và phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG



3.3 Các công ty con, công ty liên kết

3.3.1 Các công ty con

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp của CTCP Cảng Hải Phòng tại doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Bốc xếp hàng hóa	430.000.000.000	100
2	Công ty TNHH một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 5 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Giáo dục nghề nghiệp	1.000.000.000	100
3	Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 đường Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	15.000.000.000	100
4	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. - Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải. - Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. - Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại	204.000.000.000	51

			<p>quan và dịch vụ hàng chuyên khẩu, quá cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng, nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch. - Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng. - Kinh doanh và vận tải xăng dầu. - Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng. - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông và công nghiệp. - Mua bán sắt, thép, kim loại màu, phế liệu phá dỡ tàu biển. - Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh và đầu tư phát triển nhà ở 		
5	CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Bốc xếp hàng hóa, bảo quản, giao nhận hàng hóa - Dịch vụ chuyển tải hàng hóa - Cho thuê tàu lai - Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy - Hoạt động tàu lai đưa tàu cập bến cảng - Trục vớt tàu thuyền - Kinh doanh kho bãi 	16.200.000.000	60

3.3.2. Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp của CTCP Cảng Hải Phòng tại doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %
1	Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 13.680.000.000	26,01	50
2	Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 128.672.013.800	23,26	45,6
3	Công ty cổ phần HPH Logistics	Lô đất CN 2.6A, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	11.596.000.000	38,81	38,81
4	Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Số 21 Võ Thị Sáu, Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	6.300.000.000	32,24	32,24
5	Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Đầm Mắm, Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	3.000.000.000	20	20

6	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	Tầng 2, Tòa nhà số 2 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	23.500.000.000	27,61	27,61
7	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	31.440.000.000	30,52	30,52
8	Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc	Số 55 Nguyễn Trãi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5.000.000.000	25	25

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu phát triển giai đoạn 05 năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030

4.1.1 Về định vị thị trường và thương hiệu

Giữ vững vị thế là doanh nghiệp cảng biển đứng đầu tại khu vực miền Bắc, có quy mô lớn về thị phần, doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.

4.1.2 Về mục tiêu tài chính

- Tăng trưởng ổn định chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đảm bảo tối đa khi thành phố thực hiện xây các cầu bắc qua sông Cấm, di dời Cảng Hoàng Diệu và hoàn thành đầu tư 02 bến tại Lạch Huyện đúng tiến độ, khai thác có hiệu quả.

- Bảo toàn và phát triển vốn, thu hút được vốn đầu tư của các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các đối tác là doanh nghiệp có lợi ích từ dịch vụ khai thác cảng.

4.1.3 Về công tác thị trường, khai thác

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ năng lực cạnh tranh, có chính sách phù hợp, nhằm giữ chân các khách hàng hiện có và tiếp cận những khách hàng mới.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng, bảo vệ thị phần cảng biển thông qua chiếm lĩnh thị trường, tăng khối lượng, chất lượng và đa dạng hóa các dịch vụ được cung cấp.

- Phát triển hoạt động dịch vụ logistics theo mục tiêu hợp lực nguồn lực để phát triển trên nền tảng phát huy tối đa, hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị của Cảng và phối

hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp thành viên của VIMC cùng nhau phát triển dịch vụ chuỗi.

- Liên doanh, liên kết với các đối tác lớn, có uy tín trong khu vực và trên thế giới nhằm phát triển và hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh, tận dụng thế mạnh về nguồn vốn, công nghệ, trình độ, kinh nghiệm và mạng lưới toàn cầu của đối tác để ngày một lớn mạnh hơn.

- Tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Cảng Tân Vũ, Cảng Chùa Vẽ. Khai thác tối đa công suất các bến cảng và hiệu suất sử dụng trang thiết bị.

4.1.4 Về đầu tư phát triển mở rộng

- Triển khai xây dựng Dự án xây dựng 02 bến cảng tại khu vực Lạch Huyện và đưa vào khai thác vào năm 2023.

- Sử dụng mô hình tài sản tinh gọn (chuyển các trang thiết bị sử dụng không hiệu quả/kém hiệu quả/không phù hợp sang các vị trí mới/sử dụng ở dự án mới hoặc liên doanh, liên kết khi đầu tư mới trang thiết bị), tăng cường hợp tác với các hãng tàu/khách hàng để đầu tư trang thiết bị phục vụ khai thác hàng hóa trên quan điểm đôi bên cùng có lợi nhằm tăng cường mối quan hệ với khách hàng và hãng tàu.

4.1.5 Về phát triển công nghệ thông tin

Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống CNTT dựa trên nền tảng dữ liệu tập trung, tiên tiến nhằm phát triển thành một cảng biển điện tử có quy mô tại khu vực, mở ra không gian phát triển và tạo giá trị mới, đưa CNTT trở thành hoạt động xương sống trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và khai thác cảng, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

4.1.6 Về cơ cấu tổ chức và quản trị doanh nghiệp

- Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Cảng. Xây dựng lại hệ thống quy trình tiêu chuẩn được số hóa, tinh gọn và cải tiến liên tục nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất và tạo môi trường kinh doanh thúc đẩy tính linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động của các chi nhánh đơn vị trong toàn Cảng theo hướng tinh gọn, linh hoạt, chuyên nghiệp hóa, tăng phân cấp, phân quyền và thích nghi với sự thay đổi.

- Đẩy mạnh công tác cán bộ, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bổ sung tay nghề cho đội ngũ lao động nhằm sử dụng lao động hiệu quả, một người đảm nhiệm nhiều công việc cùng ngành nghề, tăng năng suất lao động, hiệu quả trong công tác quản lý.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo chuẩn mực lắng nghe thấu hiểu, tận tụy với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Quản trị, quản lý nâng cao hiệu quả, tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty mà Cảng Hải Phòng góp vốn chi phối, nhằm tăng nguồn tài chính, xây dựng khối liên kết hỗ trợ cùng nhau phát triển. Đánh giá xu hướng phát triển và hiệu quả của các công ty góp vốn, sẵn sàng có phương án kịp thời (thoái vốn) để bảo tồn nguồn vốn.

- Phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên có Tâm – Tài- Đức với phương châm tổ chức vì cá nhân và cá nhân cống hiến cho tổ chức, cùng với việc thực hiện chế độ đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân người tài.

- Thực hiện có hiệu quả công tác di dời Cảng Hoàng Diệu và phát triển nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

4.1.7 Về quản trị và kiểm soát rủi ro

Kiểm soát tốt rủi ro trong quá trình hoạt động nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra và ảnh hưởng của các nguy cơ rủi ro. Tiến tới xây dựng mô hình 3 tầng phòng vệ để kiểm soát rủi ro cho doanh nghiệp.

4.2 Giải pháp trọng tâm

Đề giữ vững vị trí, thương hiệu là cảng chủ đạo trong khu vực, thực hiện được các mục tiêu đề ra, Cảng Hải Phòng tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp trong tất cả các mặt hoạt động của công ty, trong đó tập trung vào ba nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- Nắm bắt thông tin về quy hoạch phát triển Cảng trong khu vực để nghiên cứu, xây dựng các giải pháp và chiến lược kinh doanh phát triển Cảng lâu dài. Nghiên cứu khả năng hợp tác, liên doanh liên kết, hoạt động logistics với các khách hàng để cùng nhau khai thác hiệu quả các hạ tầng cơ sở sẵn có của Cảng Hải Phòng.

- Khai thác có hiệu quả năng lực nội tại của Cảng Hải Phòng nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí sản xuất đảm bảo tính cạnh tranh.

- Tập trung, huy động mọi nguồn lực để đầu tư mở rộng phát triển Cảng, đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh.

5. Các rủi ro

5.1 Thị trường/hoạt động cảng biển

Thị trường vận tải vẫn tiếp tục tiếp tục phát triển và dư thừa trọng tải, đặc biệt vận tải container đường biển các hãng tàu lớn trên thế giới vẫn cạnh tranh thị phần và giá cước vận tải.

Việc dịch bệnh Covid-19 chưa được khắc phục trong thời gian tới sẽ gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Độ mở rất lớn của nền kinh tế Việt Nam đặt ra nhiều thách thức, nhất là khi kinh tế toàn cầu bước vào thời kỳ suy giảm vì cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc. Bất ổn trong thương mại quốc tế cũng sẽ dẫn đến các bất ổn của thị trường quốc tế, nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tăng trưởng, lạm phát, công ăn việc làm và nhiều khía cạnh khác của kinh tế vĩ mô.

5.2 Môi trường pháp lý, chính sách kinh tế

Dự án xây dựng cầu Nguyễn Trãi với chiều cao tĩnh không dự kiến 25m đã tác động trực tiếp đến khu vực Cảng Hoàng Diệu (Cảng chỉ tiếp nhận được cỡ tàu dưới 4.000 DWT, nhưng thực tế hiện nay các tàu hoạt động chờ hàng xuất nhập khẩu loại nhỏ nhất cũng có cỡ tàu từ 6.000 DWT trở lên) buộc doanh nghiệp phải xây dựng phương án khai thác phù hợp.

Từ năm 2017 thành phố Hải Phòng đã tiến hành thu phí “sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ khu vực các cửa khẩu cảng biển Hải Phòng” trong khi khu vực Quảng Ninh không thực hiện thu khoản phí này nên các chủ hàng sẽ dịch chuyển hàng hóa làm tại khu vực Hải Phòng về Quảng Ninh nhằm tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Khó khăn

- Tình hình cạnh tranh giữa các cảng biển khu vực Hải Phòng ngày càng gay gắt. Sự phát triển nhanh chóng của Cảng quốc tế Lạch Huyện (năm 2020 đạt 658.724 TEU, chiếm 12,6% SL cont khu vực) dẫn đến thị phần hàng container bị chia sẻ. Từ tháng 6/2020, cảng Mipec đi vào hoạt động, khai thác cả hàng container và hàng ngoài container. Cạnh tranh khốc liệt giữa các cảng đã đẩy giá cước dịch vụ xếp dỡ xuống thấp, đặc biệt đối với hàng hóa vận chuyển nội địa.

- Sản lượng hàng ô tô suy giảm mạnh (chỉ đạt 68,8%) so với cùng kỳ và sản lượng container lạnh giảm, luân chuyển nhanh dẫn đến doanh thu lưu kho bãi giảm, chỉ bằng 63,6% so với cùng kỳ năm 2019.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều khách hàng, đại lý, hãng tàu gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh đề nghị cảng chia sẻ, hỗ trợ làm ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty.

- Luồng chưa được nạo vét kịp thời gây khó khăn trong khai thác cảng và ảnh hưởng đến việc đàm phán, thu hút khách hàng.

1.2 Thuận lợi

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành Cảng Hải Phòng đã chỉ đạo quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, với mục tiêu khách hàng là trọng tâm, triển khai hiệu quả các giải pháp đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Vì vậy trong năm 2020, Cảng Hải Phòng đã ổn định, giữ vững khách hàng truyền thống và thu hút thêm các khách hàng mới.

- Các đơn vị, chi nhánh trực thuộc ngày càng được giao quyền chủ động hơn trong công tác thị trường, tổ chức sản xuất và đã phát huy tối đa nội lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tình hình trật tự trị an được giữ vững, thu nhập cán bộ công nhân viên tương đối ổn định. Tập thể lãnh đạo cảng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên quyết tâm cao, nỗ lực hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

1.3 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

1.3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

- Sản lượng thông qua: 21,727 triệu tấn, đạt 102,7% kế hoạch năm (21,15 triệu tấn), tăng 3,9% so với thực hiện năm 2019 (20,917 triệu tấn), trong đó container 1.297.920 teu, tăng 2,1% so với thực hiện năm 2019 (1.270.700 teu).

- Doanh thu: thực hiện 1.279,255 tỷ đồng, đạt 95,7% kế hoạch năm (1.336,5 tỷ đồng), bằng 95,8% so với thực hiện năm 2019 (1.335,294 tỷ đồng). Trong đó: doanh thu sản xuất kinh doanh chính 1.147,329 tỷ đồng, đạt 95,4% kế hoạch năm (1.202,3 tỷ đồng) và bằng 98,1% so với thực hiện năm 2019 (1.169,372 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 392,972 tỷ đồng, đạt 110,4% kế hoạch (355,85 tỷ đồng), tăng 1,3% so với thực hiện năm 2019 (387,9 tỷ đồng).

Lợi nhuận năm 2020 chỉ tăng nhẹ so với năm 2019 do năm 2019 có doanh thu từ lợi nhuận Cảng Hoàng Diệu (34,286 tỷ đồng), nguồn tiền này của năm 2020 được tính cho năm 2021.

1.3.2 Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và các công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu

- Sản lượng thông qua: 27,823 triệu tấn, đạt 101,2% kế hoạch năm (27,5 triệu tấn), tăng 3,4% so với thực hiện năm 2019 (26,918 triệu tấn), trong đó container thực hiện 1.297.920 teu, đạt 99,8% kế hoạch (1.300.000 teu) và tăng 2,1% so với thực hiện năm 2019 (1.270.700 teu).

- Doanh thu: thực hiện 1.649,772 tỷ đồng đạt 95,3% kế hoạch năm (1.731,5 tỷ đồng), giảm 2,6% so với thực hiện năm 2019 (1.694,030 tỷ đồng). Trong đó doanh thu sản xuất kinh doanh chính 1.495,639 tỷ đồng, giảm 2,9% so với thực hiện năm 2019 (1.539,809 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 453,863 tỷ đồng, đạt 109,4% kế hoạch năm (415 tỷ đồng), tăng 14,4% so với thực hiện năm 2019 (396,644 tỷ đồng).

1.3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất của Cảng Hải Phòng (bao gồm Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, các công ty Cảng nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và các công ty liên doanh liên kết)

- Sản lượng thông qua: 36,204 triệu tấn, đạt 104,9% kế hoạch năm (34,5 triệu tấn), tăng 2,7% so với thực hiện năm 2019 (35,258 triệu tấn), trong đó container 1.856.685 teu, tăng 1,6% so với thực hiện năm 2019 (1.826.700 teu).

- Doanh thu: 2.193,988 tỷ đồng, đạt 99,7% kế hoạch năm (2.200 tỷ đồng), bằng 97,1% so với thực hiện năm 2019 (2.259,449 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: 699,619 tỷ đồng, đạt 115,6% kế hoạch năm (605 tỷ đồng), tăng 12,4% so với thực hiện năm 2019 (622,240 tỷ đồng).

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Nguyễn Tường Anh

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại thời điểm 31/02/2020: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng (giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ 26/6/2019 và giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ 01/02/2020)
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Ngày vào Đảng: 07/12/2002 Ngày chính thức: 07/12/2003
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
06/1994 ÷ 09/1995	Cảng Hải Phòng - Cán bộ chỉ đạo Xí nghiệp Containe
10/1995 ÷ 06/2001	Chi nhánh Công ty vận tải và thuê tàu (Vietfracht) Hải Phòng – Nhân viên phụ trách chứng từ Phòng đại lý Hãng tàu Mitsui OSK Lines
07/2001 ÷ 09/2002	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kinh doanh
10/2002 ÷ 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Phòng Đại lý và Môi giới

	hàng hải
02/2007 ÷ 06/2010	Cảng Hải Phòng - Phó giám đốc XNXD Chùa Vẽ
07/2010 ÷ 03/2012	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kinh doanh
04/2012 ÷ 03/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kinh doanh
04/2015 ÷ 06/2016	Cảng Hải Phòng - Giám đốc Chi nhánh Cảng Tân Vũ
07/2016 ÷ 25/6/2019	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
26/6/2019 ÷ 01/2020	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị
02/2020 đến nay	Cảng Hải Phòng - Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác trong năm 2020: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần HPH Logistics.

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020:

+ Trực tiếp sở hữu: tỷ lệ dưới 0,01% vốn điều lệ.

+ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ủy quyền đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Cảng Hải Phòng: tỷ lệ 18% vốn điều lệ.

2.1.2 Ông Chu Minh Hoàng

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020: Chánh Văn phòng Công ty

- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng (Giữ chức vụ từ ngày 22/7/2020)

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Đông Các, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Ngày vào Đảng: 30/10/1999

Ngày chính thức: 30/10/2000

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xếp dỡ

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
10/1995 ÷ 12/1997	Cảng Hải Phòng - XN vận tải và sửa chữa thủy bộ - Cán bộ kỹ thuật - Ban Kỹ thuật Vật tư
12/1997 ÷ 09/1999	Cảng Hải Phòng - XN vận tải và sửa chữa thủy bộ - Cán bộ kỹ thuật - Ban Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư
09/1999 ÷ 12/2002	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Khoa học Kỹ thuật Công nghệ
01/2003 ÷ 02/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư
03/2004 ÷ 01/2005	Cảng Hải Phòng - Phó phòng Đầu tư và đổi mới công nghệ
01/2005 ÷ 08/2006	Cảng Hải Phòng - Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ
09/2004 ÷ 06/2006	Được Thành ủy Hải Phòng cử đi học tập trung lớp Đại học chính trị Tại học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - dự nguồn cán bộ của Thành phố
08/2006 ÷ 07/2007	Cảng Hải Phòng - XNXD Lê Thánh Tông - Phó giám đốc Kỹ thuật

07/2007 ÷ 12/2008	Cảng Hải Phòng - Phó phòng An toàn Lao động
01/2009 ÷ 06/2013	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng An toàn Lao động
07/2013 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Chánh văn phòng
07/2014 ÷ 21/7/2020	Cảng Hải Phòng - Chánh văn phòng
22/7/2020 đến nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác trong năm 2020: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: tỷ lệ dưới 0,01% vốn điều lệ.

2.1.3 Ông Hà Vũ Hào

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020: Trưởng phòng Kỹ thuật

- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng (Giữ chức vụ từ ngày 22/7/2020)

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Cổ Thành, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Ngày vào Đảng: 19/05/2005

Ngày chính thức: 19/05/2006

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Cử nhân tiếng Anh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
12/2001 ÷ 04/2002	Kỹ sư, công ty công nghiệp nặng và xây dựng Hàn Việt
05/2002 ÷ 04/2004	Cảng Hải Phòng - XNXD Hoàng Diệu - Nhân viên kỹ thuật, Đội hàng rời
05/2004 ÷ 06/2007	Cán bộ kỹ thuật, Ban quản lý Dự án Cảng Hải Phòng
07/2007 ÷ 11/2008	Cảng Hải Phòng - Phòng Kỹ thuật công nghệ - Chuyên viên Kỹ thuật
12/2008 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - XNXD Tân Cảng - Phó Giám đốc kỹ thuật
07/2014 ÷ 01/2016	Cảng Hải Phòng - Chi nhánh Cảng Tân Vũ - Phó Giám đốc Kỹ thuật
2010 ÷ 01/2016	Cảng Hải Phòng - Phó bí thư Đảng ủy Chi nhánh Cảng Tân Vũ
01/2016 ÷ 12/2017	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
01/2018 ÷ 21/7/2020	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật
22/7/2020 đến nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác trong năm 2020: Không có

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: tỷ lệ dưới 0,01% vốn điều lệ.

2.1.4 Ông Ngô Trung Hiếu

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020: Giám đốc chi nhánh Cảng Tân Vũ – Cảng Hải Phòng
- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng (Giữ chức vụ từ ngày 22/7/2020)
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Văn Khê, Hà Đông, Hà Tây
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Ngày vào Đảng: 05/02/2007 Ngày chính thức: 05/02/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xép dỡ; Cử nhân Luật kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
10/2004 ÷ 04/2005	Cảng Hải Phòng - XNXD Lê Thánh Tông - Nhân viên Kỹ thuật
05/2005 ÷ 07/2008	Cảng Hải Phòng - Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Nhân viên Kỹ thuật
08/2008 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Phó Trưởng phòng
07/2014 ÷ 01/2016	Cảng Hải Phòng - Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Phó Trưởng phòng
02/2016 ÷ 08/2016	Cảng Hải Phòng - Chi nhánh Cảng Tân Vũ - Phó Giám đốc
09/2016 ÷ 07/2017	Cảng Hải Phòng - Chi nhánh Cảng Tân Vũ - Phó Giám đốc phụ trách
08/2017 ÷ 21/7/2020	Cảng Hải Phòng - Chi nhánh Cảng Tân Vũ – Giám đốc Chi nhánh
22/7/2020 đến nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác trong năm 2020: Không có
- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: tỷ lệ dưới 0,01% vốn điều lệ.

2.1.5 Ông Phạm Tuấn Hải

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020: Phó trưởng ban – Ban Quản lý Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- Chức vụ tại thời điểm 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng (Giữ chức vụ từ ngày 05/8/2020)
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Ngày vào Đảng: 13/05/2014 Ngày chính thức: 13/05/2015

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
04/2013 ÷ 09/2015	Công ty cổ phần Vận tải biển - VinaShip - Chuyên viên Phòng Kinh doanh
09/2015 ÷ 01/2016	Công ty cổ phần Vận tải biển - VinaShip - Phụ trách Chi nhánh Quảng Ninh
01/2016 ÷ 12/2016	Công ty cổ phần Vận tải biển - VinaShip - Phó giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh
12/2016 ÷ 04/2019	Công ty cổ phần Vận tải biển - VinaShip - Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh
04/2019 ÷ 04/8/2020	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ban Ban Quản lý Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải - Phó trưởng ban
05/8/2020 đến nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác trong năm 2020: Phó trưởng ban – Ban Quản lý Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (đã tạm hoãn Hợp đồng lao động với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam từ 05/08/2020)

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: Không có

2.1.6 Bà Trần Thị Thanh Hải

- Chức vụ: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Bình Minh, Huyện Nam Trực, Nam Định

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Ngành kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1993 ÷ 01/1998	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Nhân viên kế toán Ban Tài chính kế toán
02/1996 ÷ 06/1999	Cảng Hải Phòng - Kiểm toán viên Phòng Kiểm toán nội bộ
07/1999 ÷ 04/2002	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Phó Trưởng Ban Tài chính kế toán
05/2002 ÷ 12/2002	Cảng Hải Phòng - XN sửa chữa cơ khí - Trưởng Ban Tài chính kế toán
04/2004 ÷ 11/2013	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng TCKT
12/2013 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng tài chính kế toán, Thành viên Hội đồng thành viên,
07/2014 ÷ 06/2018	Cảng Hải Phòng - Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng quản trị
07/2018 đến nay	Cảng Hải Phòng - Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác trong năm 2020: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng.

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: tỷ lệ dưới 0,01% vốn điều lệ.

2.1.7 Ông Cao Trung Ngoan

- Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020: Quyền Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/02/2020)

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán : Thái Thủy, Thái Thụy, Thái Bình.

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Kinh tế vận tải biển; Cử nhân Nga văn; Chứng chỉ C Anh văn.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1981 ÷ 06/2001	Cảng Hải Phòng – Cán bộ nghiệp vụ
06/2001 ÷ 01/2003	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Đình Vũ
01/2003 ÷ 02/2006	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Bạch Đằng
02/2006 ÷ 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Lao động tiền lương
02/2007 ÷ 11/2008	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Hành chính quản trị
11/2008 ÷ 04/2011	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Khai thác
04/2011 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2014 ÷ 06/2018	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
07/2018 ÷ 08/2018	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
09/2018	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc phụ trách
10/2018 ÷ 31/01/2020	Cảng Hải Phòng - Quyền Tổng Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác từ 01/01/2020 đến 01/02/2020: Không có

- Số lượng cổ phần của Cảng Hải Phòng do cá nhân nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: tỷ lệ dưới 0,01% vốn điều lệ.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng đã bổ nhiệm ông Nguyễn Tường Anh – Phó Tổng Giám đốc giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay ông Cao Trung Ngoan nghỉ hưu từ 01/02/2020.

Để kiện toàn và hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm 04 Phó Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- Ông Chu Minh Hoàng: Giữ chức vụ từ ngày 22/7/2020

- Ông Hà Vũ Hào: Giữ chức vụ từ ngày 22/7/2020

- Ông Ngô Trung Hiếu: Giữ chức vụ từ ngày 22/7/2020

- Ông Phạm Tuấn Hải: Giữ chức vụ từ ngày 05/8/2020

2.3 Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số lao động bình quân của Cảng Hải Phòng quản lý trong năm 2020 là 1.463 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư

Cảng Hải Phòng tập trung hoàn thiện các dự án đã triển khai thực hiện từ năm 2019 và một số công việc trọng điểm đầu tư trong năm 2020, cụ thể như sau:

Phương tiện thiết bị

- Dự án đầu tư ô tô đầu kéo sơ mi rơ moóc tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ: Hội đồng quản trị đã phê duyệt dự án, hiện đang triển khai các thủ tục đầu tư, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý II.

Cơ sở hạ tầng

- Dự án cải tạo cầu 3 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để lắp đặt cầu quay: nhà thầu tiếp tục triển khai thi công công trình.

- Dự án đầu tư xây dựng các Bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng: Đã hoàn thành thủ tục để trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt Dự án.

Công nghệ thông tin

- Dự án ePort: hoàn tất các hạng mục và đưa vào hoạt động từ 01/01/2021.

- Dự án đầu tư phần mềm Tài chính kế toán: cập nhật dữ liệu phần mềm, kiểm tra các báo cáo và hoàn thiện phần mềm trước khi đưa vào sử dụng chính thức.

- Phần mềm quản lý kỹ thuật vật tư, quản lý kho, bảo trì bảo dưỡng tại Cảng Hải Phòng: Đang tiến hành lựa chọn nhà thầu cung cấp.

- Dự án TradeLens: đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

* Khối lượng giải ngân các dự án đầu tư trong năm 2020 của Công ty mẹ thực hiện 15,413 tỷ đồng, đạt 10,5% kế hoạch năm 2020 (146,745 tỷ đồng), cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án đầu tư	Kế hoạch năm 2020	Dự kiến thực hiện năm 2020	So sánh % TH/KH 2020
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	34.134	6.055	17,7
2	Đầu tư mua sắm thiết bị	27.000	1.448	5,4
3	Công nghệ thông tin	17.931	2.218	12,4
4	Các dự án đầu tư mở rộng cảng	67.680	5.691	8,4
Tổng cộng		146.745	15.413	10,5

Nhận xét:

- Do một số dự án thuộc nhóm phải trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt nên thời gian thực hiện bị kéo dài. Bên cạnh đó, do sự biến động về thị trường, nhu cầu khai thác tại Cảng Hải Phòng và để tập trung nguồn vốn đầu tư tại khu vực Lạch Huyện nên một số dự án được giãn tiến độ hoặc tạm dừng đầu tư.

- Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng: trong năm 2020, Cảng Hải Phòng đã tập trung thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định, hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị trình Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Kết quả sản xuất kinh doanh (các chỉ tiêu chính) của các công ty con, công ty liên kết được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo thường niên.

4. Tình hình tài chính

(Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (31/12/2019)	Năm 2020 (31/12/2020)	Tỷ lệ 2020/2019 (%)
Tổng giá trị tài sản	5.188.334.827.820	5.061.124.898.195	97,55%
Doanh thu thuần	1.169.372.160.565	1.147.329.399.002	98,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	386.597.471.411	392.312.741.763	101,48%
Lợi nhuận khác	1.303.655.077	659.568.360	50,59%
Lợi nhuận trước thuế	387.901.126.488	392.972.310.123	101,31%
Lợi nhuận sau thuế	329.200.024.300	324.327.998.661	98,52%

4.2 Hiệu quả sử dụng vốn

Nội dung	Năm 2019 (31/12/2019)	Năm 2020 (31/12/2020)
Vốn chủ sở hữu	3.971.821.862.422	4.059.169.189.083
Tổng tài sản	5.188.334.827.820	5.061.124.898.195
Lợi nhuận sau thuế	329.200.024.300	324.327.998.661
Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	8,29%	7,99%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	6,35%	6,41%

4.3. Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (31/12/2019)	Năm 2020 (31/12/2020)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,92	4,97
	Hệ số thanh toán nhanh	2,84	4,84
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,23	0,20
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,31	0,25
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,84	19,32

	Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	0,23	0,22
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	28,15%	28,27%
	Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	8,29%	7,99%
	Hệ số LNST/ Tổng tài sản	6,35%	6,41%
5	Mức độ bảo toàn vốn	1,12	1,11

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Tại thời điểm 26/01/2021 khi Cảng Hải Phòng chốt danh sách cổ đông để thực quyền tham dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2021)

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 326.960.000 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 325.586.000 cổ phần
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.374.000 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Trong nước	Cá nhân	15.968.981	4,884%
		Tổ chức	310.683.400	95,022%
2	Nước ngoài	Cá nhân	85.219	0,026%
		Tổ chức	222.400	0,068%
3	Tỷ lệ sở hữu	Lớn	302.641.377	92,56%
		Nhỏ	24.318.623	7,44

* Danh sách cổ đông nước ngoài

STT	QUỐC TỊCH	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	SL CỔ PHẦN	CN/TC
1	France	ALEXANDRE ROBERT IDARECI			CN
2	Taiwan	CHEN YI CHENG			CN
3	Taiwan	CHENG LIANG YU			CN
4	Netherlands	Denrick Ryan Simmons			CN
5	Germany	FLORIAN BENNY DAVID WEISS			CN
6	Taiwan	HSIAO CHUNG TING			CN
7	Taiwan	HUNG, CHIEH- FENG			CN
8	Republic of Korea	JEUNG YUN HO			CN
9	Taiwan	LEE, YI - HSUAN			CN
10	China	Li Minghua			CN
11	Taiwan	LIN, HSIEH - KUN			CN
12	China	LIU HOUDONG			CN

13	Taiwan	LIU, RUI - HONG			CN
14	Canada	NELSON SERGE RAND			CN
15	Bulgaria	OGNIAN NIKOLOV			CN
16	Taiwan	PANG CHIA LI			CN
17	Thailand	PICHA AMMATMANEE			CN
18	Australia	Ringhoff Raymond August			CN
19	Japan	SHINZATO YOSHIYA			CN
20	Japan	Shoichiro Tanaka			CN
21	Japan	TAGUCHI MITSUHIRO			CN
22	Taiwan	TZENG, WEN - YU			CN
23	Bulgaria	Valentina Nikolaeva Nikolova			CN
24	Taiwan	YANG, SUE - HWA			CN
25	Taiwan	YANG, TIEN - AN			CN
26	Taiwan	YEH, I - CHUN			CN
27	Japan	Yozo Munakata			CN
28	Cayman Islands	AFC VF LIMITED			TC
29	Singapore	AGGREGATE VALUE FUND VCC			TC
30	Japan	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD			TC
31	Thailand	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED			TC
32	Thailand	KRUNGTHAI ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED			TC
33	Thailand	MAYBANK KIM ENG SECURITIES (THAILAND) PUBLIC COMPANY LIMITED			TC
34	Republic of Korea	SHINHAN INVESTMENT CORP.			TC
		TỔNG			

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tiêu thụ năng lượng

Mức độ tiêu thụ năng lượng của Cảng Hải Phòng trong năm 2020 như sau:

- Điện: 14.279.932 kw (tổng chi phí là 27.017.368.535 đồng).
- Dầu diesel: 2.076.114 lít (tổng chi phí là 22.686.415.575 đồng).
- Xăng: 68.510 lít (tổng chi phí là 937.803.015 đồng).
- Dầu nhớt: 65.910 lít (tổng chi phí là 4.347.501.500 đồng).

Nhìn chung, trong năm 2020 lượng tiêu thụ của các nhiên liệu gồm xăng, dầu nhớt đều giảm về lượng tiêu thụ và chi phí so với năm 2019. Dầu diesel tuy có tăng về lượng tiêu thụ so với năm 2019 nhưng mức tăng không đáng kể, đồng thời Cảng Hải Phòng đã thực hiện những giải pháp hiệu quả trong công tác lựa chọn nhà cung cấp và quyết liệt trong công tác sử dụng nhiên liệu, hợp lý hóa công tác bố trí sản xuất, nâng cao ý thức người vận hành phương tiện trong quá trình sản xuất nên chi phí mua sắm dầu diesel giảm so với năm 2019. Với việc đưa hệ thống quản lý giám sát nhiên liệu vào sử dụng đã tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc sử dụng nhiên liệu đơn vị.

Về lượng điện tiêu thụ, năm 2020, Cảng Hải Phòng đã tiết giảm được chi phí sử dụng điện tương ứng 3 tỷ đồng/năm. Tỷ lệ điện kinh doanh/Tổng sản lượng điện tiêu thụ khoảng 11% đến 13%, là khá thấp trong số các Cảng biển tại khu vực Hải Phòng

6.2 Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và chi phí:

- Nguồn cung cấp nước: CTCP Cấp nước Hải Phòng
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2020: 131.209 m³
- Tổng chi phí cho lượng nước sử dụng trong năm 2019: 2.4783.537.822 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

(Lượng nước trên được sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất kinh doanh)

6.3 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

6.3.1 Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không có

6.3.2 Tổng số tiền do xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không có

6.4 Chính sách liên quan đến người lao động

6.4.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân Cảng Hải Phòng quản lý: 1.463 người.
- Tiền lương bình quân thực hiện của người lao động: 19,396 triệu đồng/người/tháng

6.4.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện các quy định về An toàn lao động, quy trình công nghệ xếp dỡ, thực hiện đầy đủ công tác trang bị bảo hộ lao động đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động.

- Bố trí và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được Cảng Hải Phòng ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, được thực hiện đầy đủ chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép, ốm đau, thai sản, tử tuất, tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, phòng tránh tai nạn lao động.

6.4.3 Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2020 đã triển khai 76 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ với tổng số 1.974 người tham gia, 05 lớp đào tạo trực tuyến eLearning.

Công tác đào tạo tập trung vào các nhóm lĩnh vực thiết yếu, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với cấp độ và đối tượng đào tạo trải dài từ đội ngũ quản lý đến nhân viên trực tiếp.

6.5 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một trong những doanh nghiệp lớn của thành phố, Cảng Hải Phòng luôn đề cao tinh thần cộng đồng, trách nhiệm xã hội. Hưởng ứng các hoạt động cộng đồng địa phương, Cảng Hải Phòng đã thể hiện sự chung tay góp sức trong các hoạt động xã hội của thành phố thông qua nhiều hình thức trực tiếp, gián tiếp. Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp cảng biển, Cảng Hải Phòng luôn dành một sự quan tâm đặc biệt trong chính sách và tài chính đối với công tác bảo vệ môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2020, Cảng Hải Phòng tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng với sự quan tâm tạo điều kiện và chỉ đạo kịp thời của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP, các cơ quan quản lý Nhà nước và đặc biệt là sự đồng tâm, hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Cảng Hải Phòng đã đạt được kết quả trong các mặt công tác, cụ thể:

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (đặc biệt là lợi nhuận) thực hiện trong năm 2020 của Cảng đều tăng so với thực hiện năm 2019: Toàn Cảng sản lượng tăng 3,4% (container tăng 2,1%), doanh thu bằng 97,4% và lợi nhuận trước thuế tăng 14,5% so với năm 2019. Năng suất lao động bình quân tăng 7,6% so với năm trước (mục tiêu đề ra tại Nghị quyết HNND năm 2020 là tăng trên 5% so với năm 2019). Thị phần của Cảng trong khu vực Hải Phòng tăng trưởng, năm 2020 chiếm 42,6%, tăng 1% so với năm 2019 (chiếm 41,6%).

- Công ty xây dựng kế hoạch chi phí và kiểm soát chặt chẽ, tiết giảm tiết kiệm tối đa, mặc dù các chỉ tiêu tăng trưởng nhưng chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh giảm so với kế hoạch đề ra.

- Tình hình trật tự trị an được giữ vững. Thu nhập, đời sống của cán bộ công nhân viên toàn Cảng được đảm bảo và ổn định.

1.2 Thực hiện các công việc trọng tâm khác

1.2.1 Công tác kinh doanh khai thác

* Công tác kinh doanh

- Nắm bắt thông tin thị trường hàng hóa dự kiến đến khu vực cũng như đến cảng; thường xuyên rà soát điều chỉnh giá thành giá cước cho phù hợp và quan tâm, chăm sóc khách hàng để giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong sản xuất, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu khách hàng.

- Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, nỗ lực hoàn thành việc ký kết Hợp đồng với các hãng tàu, đại lý để giữ chân các khách hàng truyền thống và tiếp thị thêm các khách hàng mới. Trong năm 2020, Cảng Hải Phòng đã tiếp thị thành công Hãng tàu OOCL/COSCO, 01 service của Hãng KMTC/CKL, 01 service của Hãng tàu Zim và 01 service của hãng tàu CUL.

- Tổ chức thành công các Hội nghị khách hàng container và ngoài container năm 2020 của Cảng.

- Tính toán giá thành và triển khai các giải pháp tiết kiệm giảm chi phí. Thường xuyên rà soát giá thành để xây dựng chính sách tiếp thị phù hợp sát với thực tế nhằm cạnh tranh trực tiếp với tất cả các cảng trong khu vực.

- Ban hành giá thành kế hoạch năm 2021 và Biểu cước năm 2021 để chuẩn bị cho việc ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện.

- Tiếp thị thêm các tàu container adhoc để tăng sản lượng và doanh thu cho Cảng.

- Không ngừng cải tiến chất lượng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ, dịch vụ trọn gói cho khách hàng.

* Công tác khai thác

- Phối hợp tốt với các cơ quan cơ quan quản lý Nhà nước, các đại lý, hãng tàu thực hiện bố trí tàu hợp lý và tổ chức khai thác đảm bảo năng suất, an toàn lao động. Giải quyết tốt các vướng mắc về tàu lai trong công tác điều động tàu ra vào cảng.

- Thực hiện công tác giám định, sửa chữa container cho các hãng tàu.

- Thực hiện rà soát và xây dựng các phương án nhằm nâng cao năng lực khai thác tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, đã triển khai xây dựng nhà cân số 2 và nâng cấp khu vực công để giải quyết tình trạng ách tắc, nâng cao chất lượng dịch vụ tại Chi nhánh.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động, thực hiện giải phóng tàu đúng kế hoạch.

* Công tác thu hồi nợ, pháp chế

- Tiếp tục phối hợp với Hải quan xử lý hàng tồn đọng tại cảng. Tiếp tục đôn đốc các hãng tàu và khách hàng về thanh toán nợ. Thực hiện nghiêm qui trình luân chuyển chứng từ, hóa đơn.

- Thực hiện tốt công tác pháp chế hàng hóa và hàng hải, giải quyết xử lý kịp thời các vụ việc tranh chấp, bồi thường.

1.2.2 Công tác quản trị, điều hành

- Tổ chức thành công Hội nghị người lao động, Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 và Đại hội Đảng bộ Cảng Hải Phòng lần thứ XXX.

- Phối hợp cùng các cơ quan chức năng làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn toàn Cảng.

- Tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành đối với các chi nhánh, công ty TNHH một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu, đảm bảo tiết kiệm chi phí, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước.

1.2.3 Công tác tổ chức tiền lương và đào tạo

- Triển khai kiện toàn công tác cán bộ (bổ nhiệm các chức danh Phó tổng giám đốc), các tổ chức, hội đồng, tổ công tác của Cảng Hải Phòng.

- Thực hiện rà soát, cân đối, định biên lao động tại các phòng tham mưu khối Văn phòng 8A và các ban nghiệp vụ của Chi nhánh.

- Giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên kịp thời, đầy đủ theo quy định hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc công tác kỷ luật lao động, tiến hành xử lý các vụ việc vi phạm Nội quy lao động doanh nghiệp.

- Ban hành Quy định về công tác đào tạo của Cảng Hải Phòng. Năm 2020 đã triển khai 76 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ với tổng số 1.974 người tham gia, 05 lớp đào tạo trực tuyến eLearning.

- Triển khai thực hiện kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2020 của Cảng Hải Phòng

- Thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy chế quản lý. Tiếp tục xây dựng và triển khai công tác trả lương 3P, quản lý thời gian lao động bằng chấm công vân tay, triển khai hệ thống KPI - đánh giá thực hiện công việc tại công ty.

1.2.4 Công tác kỹ thuật, an toàn và đổi mới sáng tạo, thực hành tiết kiệm

- Triển khai tốt công tác chuyên môn kỹ thuật, triển khai áp dụng các quy định về quản lý, sử dụng phương tiện thiết bị, công cụ xếp dỡ. Cơ bản hoàn thành nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đảm bảo kỹ thuật cho các phương tiện thiết bị của Cảng, kịp thời phục vụ yêu cầu sản xuất.

- Duy trì và thực hiện tốt công tác duy tu nạo vét khu nước trước bến, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu vực cầu tàu, bến bãi và các công trình sửa chữa đột xuất khác đảm bảo an toàn cho xếp dỡ hàng hóa cũng như hoạt động khai thác của các phương tiện.

- Công tác an toàn lao động được quan tâm và chú trọng. Triển khai đầy đủ công tác huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, kiểm tra việc chấp hành nội quy lao động, vệ sinh môi trường trong toàn Công ty. Cải thiện điều kiện sinh hoạt như nước uống, nước tắm phục vụ công nhân. Thực hiện tốt chế độ chính sách về bảo hiểm lao động.

- Đẩy nhanh công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý như: Nâng cấp phần mềm kết nối hải quan tự động; Triển khai cảng điện tử (ePort); Kết nối dữ liệu điện tử với hãng tàu; Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc (Cloud Office); Đề xuất giải pháp tổng thể nâng cấp hệ thống camera tại Cảng Hải Phòng...

- Tổ chức sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực, trong đó trọng tâm là phát huy sáng kiến, áp dụng công nghệ mới. Năm 2020, toàn Cảng đã có 60 sáng kiến và giải pháp cải tiến kỹ thuật giúp tăng năng suất lao động và tiết giảm chi phí. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng hợp lý hóa sản xuất, sử dụng lao động hiệu quả, tăng cường công tác tự sửa chữa, thực hiện đạt các định mức kỹ thuật, nhiên liệu đã ban hành, tiết giảm vốn trong công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị, mua sắm vật tư thông qua đấu thầu, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, điện nước sinh hoạt...

1.2.5 Việc sử dụng Quỹ hỗ trợ Người Lao động nghỉ hưu

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua việc sử dụng Quỹ hỗ trợ người lao động về hưu là 24.581.000.000 đồng, Cảng Hải Phòng đã xây dựng và ban hành Quy chế số 2197/QC-CHP ngày 31/07/2017 và Quy chế 3997/QC-CHP ngày 25/12/2017 về việc hỗ trợ đối với người lao động của Cảng Hải Phòng nghỉ hưu trước tuổi và chấm dứt hợp đồng lao động.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, kết quả thực hiện hỗ trợ Người lao động nghỉ hưu từ Quỹ hỗ trợ trong năm 2020 như sau:

- Số lượng cán bộ công nhân viên đã được giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi và chấm dứt hợp đồng lao động: 07 người lao động

+ Tổng số tiền đã chi trả: 668.402.500 đồng.

- Số lượng cán bộ công nhân viên đang tiếp tục nghỉ chế độ hưu trước tuổi và chấm dứt hợp đồng lao động: 01 người lao động.

+ Số tiền dự kiến chi trả: 85.250.000 đồng.

- Số tiền còn lại (dự tính) của Quỹ hỗ trợ: 7.821.373.750 đồng.

1.2.6 Công tác khác

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hiện trường, thực hiện nghiêm túc các quy trình công nghệ xếp dỡ, quy tắc an toàn lao động.

- Trang cấp đầy đủ trang bị bảo vệ cá nhân, bảo hộ lao động cho các Chi nhánh, Văn phòng Công ty và Trung tâm Sửa chữa đảm bảo phục vụ sản xuất.

- Xây dựng Mục tiêu chất lượng và môi trường năm 2020; Ban hành Bảng chính sách chất lượng và môi trường của Công ty; Rà soát hệ thống tài liệu ISO, chuẩn bị tốt cho các đợt đánh giá nội bộ.

- Triển khai thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ an toàn Cảng, công tác quân sự, quốc phòng địa phương, kiểm soát tải trọng, công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính

2.1 Cơ cấu tài sản tại thời điểm 31/12/2020

STT	Cơ cấu tài sản	Năm 2020
1	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,33
2	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,67

2.2 Khả năng thanh toán ngắn tại thời điểm 31/12/2020

STT	Khả năng thanh toán	Năm 2020
1	- Khả năng thanh toán nhanh	4,84
2	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	4,97

2.3 Cơ cấu nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020

STT	Nội dung	31/12/2020
I	Tài sản ngắn hạn	1.673.708.066.449
II	Tài sản dài hạn	3.387.416.831.746
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.061.124.898.195
IV	Nợ phải trả	1.001.955.709.112
V	Vốn chủ sở hữu	4.059.169.189.083
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.061.124.898.195

2.4 Các chỉ tiêu tài chính khác tại thời điểm 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,20
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,80
2	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,28
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,08

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2020, Cảng Hải Phòng tiếp tục sắp xếp lại lao động, điều động, ký bổ sung hợp đồng lao động để đảm bảo một người có thể đảm nhiệm nhiều chức danh tương đồng như: Lái nâng hàng và lái giàn RTG, Nhân viên giao nhận và Thợ điện lạnh, Lái xe vận chuyển và lái cần trục bánh lốp. Công ty đã trình chủ sở hữu phương án thành lập Trung tâm xếp dỡ nhằm tập hợp các công nhân bốc xếp thủ công về một đầu mối, tránh lãng phí lao động, thừa thiếu cục bộ, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, đáp ứng nhân lực cho toàn công ty, hướng tới có thể cung cấp dịch vụ xếp dỡ cho các công ty cùng ngành.

Mặc dù trong những năm qua, Cảng Hải Phòng cơ bản không tuyển dụng bổ sung lao động, nhưng với thực trạng nguồn nhân lực hiện có, cán bộ công nhân viên Cảng Hải Phòng đang làm chủ và vận hành tốt những phương tiện, thiết bị xếp dỡ hiện đại như cần trục giàn RTG, QC, quản lý và khai thác Cảng hiệu quả.

Năm 2020, Cảng Hải Phòng đẩy mạnh nghiên cứu các mô hình và phương thức quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao năng suất lao động, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới của người lao động, nhằm hướng tới những chính sách quản lý, mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Cảng Hải Phòng đã xây dựng một chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 bao gồm các phương án kinh doanh trên cơ sở phân tích đánh giá trên và tình hình

diễn biến thị trường, tình hình dự báo mức tăng trưởng nền kinh tế, phát triển kinh tế khu vực, chiến lược phát triển của ngành, Công ty mẹ là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP và nội lực thế mạnh của Cảng Hải Phòng.

Theo quy hoạch phát triển, khu vực Cảng Hoàng Diệu của Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện di dời và chuyển đổi mục đích sử dụng. Cảng Hải Phòng đã có kế hoạch từng bước di dời tài sản của Cảng Hoàng Diệu sang phục vụ khai thác tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ, Tân Vũ. Đồng thời tiến hành đẩy nhanh tiến độ xây dựng cảng tại khu vực Lạch Huyện nhằm đón đầu cơ hội và nâng cao khả năng cạnh tranh với các cảng khác.

Với thế mạnh về quy mô, năng lực, thị phần cùng với sự năng động, linh hoạt trong chiến lược đầu tư, tình hình tài chính lành mạnh và sự hỗ trợ của cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP trong công tác quản trị doanh nghiệp, vay vốn đầu tư... Cảng Hải Phòng phấn đấu thực hiện thành công các chỉ tiêu SXKD trong giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xây dựng.

Về ngắn hạn, trong quá trình thực hiện kế hoạch giai đoạn năm 2021-2025, căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện các giải pháp cụ thể trên tất cả các lĩnh vực, kịp thời điều chỉnh thích ứng nhằm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Cảng Hải Phòng đã có văn bản giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Cảng Hải Phòng đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định pháp luật.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Cảng Hải Phòng đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường.

Cảng Hải Phòng bảo đảm tuân thủ các quy định về lao động, tiền lương, an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp hoạt động tích cực, hiệu quả.

Đối với các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, cán bộ công nhân lao động duy trì việc đóng góp vào quỹ hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho các hoạt động xã hội trong và ngoài thành phố.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Cảng Hải Phòng

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Cảng Hải Phòng

Trong năm 2020, Cảng Hải Phòng đã tập trung và triển khai một số công tác trọng tâm sau:

- Rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động, nghiên cứu việc sử dụng lao động, qui trình sản xuất để bố trí lao động cho hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; tiết giảm chi phí.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường.

- Chú trọng quan tâm đến chất lượng lao động, tập trung công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại.

- Điều phối hài hòa tiến độ các dự án đầu tư theo mức độ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.

- Đảm bảo được việc làm, thu nhập, quyền lợi và chính sách đối với người lao động cho người lao động. Chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công ty đại chúng.

- Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện. Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch,....

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng quản trị đánh giá năm 2020, thị trường hàng hóa có nhiều biến động với sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và tình hình thời tiết khắc nghiệt.

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ và đột xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải. Theo quy định của công ty và đề nghị của Ban điều hành, Hội đồng quản trị tham gia các buổi họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin, trao đổi trực tiếp và cùng tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành sản xuất của Công ty.

Đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2020, Hội đồng quản trị nhận thấy:

Một là, Ban điều hành đã tích cực nắm bắt xu thế phát triển của thị để có những thay đổi trong chính sách tiếp thị nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng và đảm bảo an toàn trong quản lý khai thác, nhất là trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nền kinh tế quốc gia, khu vực và thế giới nhiều bất ổn.

Hai là, Ban điều hành đã xây dựng những giải pháp ngắn hạn và nghiên cứu chiến lược dài hạn để chuyên nghiệp hóa phương thức khai thác tại công ty, đặc biệt tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất để nâng cao hiệu quả, năng suất lao động cũng như phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

Ba là, Ban điều hành đã tích cực, chuyên nghiệp hơn trong việc quảng bá hình ảnh công ty từ việc xây dựng lại hình ảnh trang thông tin điện tử của công ty, tổ chức các sự kiện quan trọng với nhiều hoạt động ý nghĩa.

Bốn là, Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn sản xuất kinh doanh.

Năm là, Ban điều hành đã linh hoạt áp dụng các giải pháp trong điều hành sản xuất để duy trì ổn định hoạt động của Cảng, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của công ty, bảo đảm đời sống và việc làm cho người lao động trong điều kiện kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid.

Đối với các lĩnh vực quản lý khác, Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã cơ bản hoàn thành những nhiệm vụ và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong giai đoạn 05 năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030, để giữ vững vị trí,

thương hiệu là cảng chủ đạo trong khu vực, thực hiện được các mục tiêu đề ra, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng nhận định cần tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp trong tất cả các mặt hoạt động của công ty, trong đó tập trung chỉ đạo vào các nội dung cơ bản sau:

- Nắm bắt thông tin về quy hoạch phát triển Cảng trong khu vực, các định hướng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về xây dựng mô hình Công ty, qua đó đề ra các giải pháp và chiến lược kinh doanh phát triển Cảng lâu dài. Nghiên cứu khả năng hợp tác, liên doanh liên kết, hoạt động logistics với các khách hàng để cùng nhau khai thác hiệu quả các hạ tầng cơ sở sẵn có của Cảng Hải Phòng.

- Khai thác có hiệu quả năng lực nội tại của Cảng Hải Phòng nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí sản xuất đảm bảo tính cạnh tranh.

- Tập trung, huy động mọi nguồn lực để đầu tư mở rộng phát triển Cảng, đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh.

Để triển khai các nội dung trên, Hội đồng quản trị xét thấy cần tập trung xây dựng giải pháp chi tiết và thường xuyên đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp nhằm tăng năng lực quản trị, điều hành, cạnh tranh ở các khía cạnh sau: (1) thị trường, (2) Hoạt động hợp tác, liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh; (3) Hoạt động đầu tư; (4) Công tác quản trị, điều hành; (5) Công tác phát triển nguồn nhân lực; (6) Công tác tài chính; (7) Công nghệ thông tin; (8) Hệ thống quản trị và quản lý rủi ro; (9) Đổi mới sáng tạo và phát triển văn hóa doanh nghiệp

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ tại thời điểm 01/01/2020	Chức vụ tại thời điểm lập Báo cáo	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Ghi chú
1.	Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT	26/6/2019		
2.	Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	26/6/2019		
3.	Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT	26/6/2019		
4.	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT	29/6/2018		
5.	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT	29/6/2018		

6.	Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT	29/6/2018		
7.	Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT	29/6/2018		

*** Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã PHP của các thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2020:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Số lượng cổ phần sở hữu			
			Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		Cá nhân	
			SL cổ phần	Tỷ lệ %	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT		20,56		0,003
2	Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT		18		0,001
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		18		0
4	Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT		18		0
5	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT		18		0
6	Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên độc lập HĐQT		0		0
7	Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên độc lập HĐQT		0		0
	Tổng			92,56		0,004

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty có một Tiểu ban giúp việc là Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng (Tiểu ban) được thành lập từ năm 2016. Trong năm 2019, do có sự thay đổi về nhân sự của Công ty nên Hội đồng quản trị đã quyết định kiện toàn nhân sự của Tiểu ban để bảo đảm tính phù hợp và hiệu quả. Trong năm 2019, Tiểu ban vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty các nội dung liên quan đến kế hoạch di dời khu bến Cảng Hoàng Diệu và Dự án đầu tư 02 bến container số 3,4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

Ngày 09/10/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã ký Quyết định số 1323/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư các bến cảng container quốc tế số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Cảng Hải Phòng. Trên cơ sở này, Tiểu ban

nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Hội đồng quản trị triển khai các công tác tiếp theo để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hai cầu cảng số 3, 4 tại Lạch Huyện để bảo đảm hoàn thành dự án đúng tiến độ Công ty đã đề ra.

Trong năm 2020, Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng đã tổ chức 05 cuộc họp để nghe đơn vị tư vấn báo cáo tiến độ các nội dung của Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng. Kết luận cuộc họp, thay mặt tiểu ban, Trưởng tiểu ban đã chỉ đạo đơn vị tư vấn và các đơn vị, phòng ban của Cảng Hải Phòng một số nội dung để đẩy nhanh tiến độ Dự án.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phạm Hồng Minh	05/05	100%
2	Nguyễn Tường Anh	05/05	100%
3	Nguyễn Văn Dũng	05/05	100%
4	Lương Đình Minh	05/05	100%
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	05/05	100%
6	Vũ Quyết Thắng	05/05	100%
7	Nguyễn Xuân Kỳ	05/05	100%

1.3.2 Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số văn bản	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-CHP	13/01/2020	Về chủ trương thuê tư vấn xây dựng tổng thể các giải pháp cơ cấu quản trị, kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
2	02/NQ-CHP	13/01/2020	Về việc thay đổi Người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Vận tải container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	100%
3	03/NQ-CHP	15/01/2020	Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu CB2	100%
4	04/NQ-CHP	21/01/2020	Về việc phê duyệt nội dung và công bố Báo cáo tình hình quản trị năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
5	05/NQ-CHP	22/01/2020	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	100%
6	06/NQ-CHP	30/01/2020	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH một	100%

			thành viên Cảng Hoàng Diệu trong năm 2020	
7	07/NQ-CHP	30/01/2020	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	100%
8	08/NQ-CHP	30/01/2020	Về việc công bố Báo cáo tài chính quý IV năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
9	09/NQ-CHP	03/02/2020	Về việc phê duyệt Đề cương, dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án đầu tư các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng”	100%
10	10/NQ-CHP	03/02/2020	Về việc phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	100%
11	11/NQ-CHP	03/02/2020	Về việc phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	100%
12	12/NQ-CHP	04/02/2020	Về việc ký kết Phụ lục hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH He Chun Logistics	100%
13	13/NQ-CHP	04/02/2020	Về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
14	14/NQ-CHP	06/02/2020	Về việc ký kết hợp đồng năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	100%
15	15/NQ-CHP	07/02/2020	Về việc ký kết hợp đồng năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần HPH Logistics	100%
16	16/NQ-CHP	13/02/2020	Về việc xếp lương cho Tổng Giám đốc	100%

17	17/NQ-CHP	17/02/2020	Về việc ký kết Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần HPH Logistics	100%
18	18/NQ-CHP	18/02/2020	Về việc mở thầu Gói thầu CB2: “Tư vấn khảo sát địa hình; địa chất; lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; lập báo cáo nghiên cứu khả thi”	100%
19	19/NQ-CHP	20/02/2020	Về việc thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ tài chính	100%
20	20/NQ-CHP	02/3/2020	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ về “Chế độ công tác phí, tổ chức hội nghị và tiếp khách”	100%
21	21/NQ-CHP	02/3/2020	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu CB2	100%
22	22/NQ-CHP	03/3/2020	Về việc ký kết Phụ lục hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	100%
23	23/NQ-CHP	05/3/2020	Phiên họp ngày 28/02/2020 của Hội đồng quản trị công ty, bao gồm các nội dung: - Chuẩn bị các nội dung thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 - Công tác kiểm tra, đánh giá Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng tại các doanh nghiệp có vốn góp của Cảng Hải Phòng - Kiểm điểm tiến độ các dự án, công việc Ban điều hành đang triển khai theo yêu cầu của Hội đồng quản trị	100%
24	24/NQ-CHP	05/3/2020	Về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Cảng Hải Phòng	100%
25	25/NQ-CHP	05/3/2020	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư hệ thống thông tin quản lý tài chính kế toán tại Công ty cổ	100%

			phần Cảng Hải Phòng	
26	26/NQ-CHP	09/3/2020	Về việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu CB4	100%
27	27/NQ-CHP	12/3/2020	Về việc thành lập Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
28	28/NQ-CHP	12/3/2020	Về việc xét duyệt các danh hiệu thi đua khen thưởng năm 2019	100%
29	29/NQ-CHP	17/3/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu CB2	100%
30	30/NQ-CHP	27/3/2020	Về việc công bố Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
31	31/NQ-CHP	30/3/2020	Về việc thành lập Tổ thẩm định giá hạn hợp đồng thuê phần mềm quản lý khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%
32	32/NQ-CHP	31/3/2020	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư hệ thống thông tin quản lý tài chính kế toán tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
33	33/NQ-CHP	01/4/2020	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
34	34/NQ-CHP	06/4/2020	Về chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
35	35/NQ-CHP	06/4/2020	Về việc phê duyệt nội dung và công bố Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
36	36/NQ-CHP	06/4/2020	Về việc ký kết hợp đồng năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100%
37	37/NQ-CHP	10/4/2020	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu MT2	100%
38	38/NQ-CHP	07/4/2020	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu CB4	100%
39	39/NQ-CHP	14/4/2020	Về việc ký kết hợp đồng năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ	100%

			phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	
40	40/NQ-CHP	15/4/2020	Về việc ký kết hợp đồng năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	100%
41	41/NQ-CHP	24/4/2020	Về việc thôi cử Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	100%
42	42/NQ-CHP	21/4/2020	Về chủ trương nghiên cứu hợp tác triển khai điểm neo kho nổi chứa LPG tại Lan Hạ	100%
43	43/NQ-CHP	21/4/2020	Về việc ký kết hợp đồng cho thuê tàu hỗ trợ giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	100%
44	44/NQ-CHP	22/4/2020	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
45	45/NQ-CHP	27/4/2020	Về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2020	100%
46	46/NQ-CHP	27/4/2020	Về việc công bố Báo cáo tài chính quý I năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
47	47/NQ-CHP	27/4/2020	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
48	48/NQ-CHP	04/5/2020	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty Vận tải biển Vinalines	100%
49	49/NQ-CHP	04/5/2020	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu trong năm 2020	100%
50	50/NQ-CHP	29/4/2020	Về lịch trình tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
51	51/NQ-CHP	08/5/2020	Về việc kiện toàn Tổ thẩm định dự án đầu tư hệ thống quản lý tài chính kế toán tại Công ty cổ phần	100%

Cảng Hải Phòng				
52	52/NQ-CHP	08/5/2020	Về việc kiện toàn Tổ thẩm định dự án đầu tư hệ thống tự động kiểm soát và giao nhận container nhập tàu tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%
53	54/NQ-CHP	11/5/2020	Về chủ trương tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ luân chuyển của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
54	55/NQ-CHP	13/5/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ trông coi, bảo vệ và hợp tác khai thác phao neo Bạch Đằng	100%
55	56/NQ-CHP	18/5/2020	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
56	57/NQ-CHP	18/5/2020	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu CB4	100%
57	58/NQ-CHP	19/5/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	100%
58	59/NQ-CHP	19/5/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần HPH Logistics	100%
59	60/NQ-CHP	20/5/2020	Về việc ký kết hợp đồng hợp tác giám định và vệ sinh container năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần HPH Logistics	100%
60	61/NQ-CHP	22/5/2020	Về việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư hệ thống thông tin quản lý tài chính kế toán tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
61	62/NQ-CHP	25/5/2020	Về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê Tủ ô cắm container lạnh và Tủ trung gian phục vụ bảo quản container lạnh	100%
62	63/NQ-CHP	26/5/2020	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư ô tô đầu kéo sơ mi rơ moóc tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%

63	64/NQ-CHP	26/5/2020	Về việc phê duyệt chỉ tiêu BSC-KPI cấp Công ty năm 2020 phân rã tới các Chi nhánh, phòng nghiệp vụ và Trung tâm	100%
64	65/NQ-CHP	28/5/2020	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu MT2	100%
65	66/NQ-CHP	30/5/2020	Về chủ trương bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
66	67/NQ-CHP	02/6/2020	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
67	68/NQ-CHP	02/6/2020	Về tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
68	69/NQ-CHP	05/6/2020	Về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Mua sắm phần mềm quản lý tài chính kế toán và thiết bị công nghệ thông tin”	100%
69	70/NQ-CHP	08/6/2020	Về việc thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính	100%
70	71/NQ-CHP	12/6/2020	<p>Phiên họp ngày 11/6/2020 của Hội đồng quản trị công ty, gồm có các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo giữa kỳ Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bên cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng - Kết quả sản xuất kinh doanh đến hết tháng 05/2020 và dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2020 - Tiến độ chi tiết việc thuê tư vấn xây dựng tổng thể các giải pháp cơ cấu quản trị, kinh doanh của Cảng Hải Phòng - Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ Công ty - Chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên Công ty tổ chức vào 8h00 ngày 12/6/2020 - Trích lập khấu hao, trích trước lãi vay trong năm 2020 đối với tài sản bến số 4, số 5 và khu bãi container thuộc bến cảng Chùa 	100%

			Vẽ - Cảng Hải Phòng	
71	72/NQ-CHP	18/6/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu CB4	100%
72	73/NQ-CHP	19/6/2020	Về việc cử và tái cử Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng, giới thiệu nhân sự thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 tại Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	100%
73	74/NQ-CHP	19/6/2020	Về việc thành lập Tổ thẩm định Công trình “Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 1, 2 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ”	100%
74	75/NQ-CHP	23/6/2020	Về việc điều chỉnh, bổ sung khối lượng khoan khảo sát gói thầu CB2	100%
75	76/NQ-CHP	24/6/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu MT2	100%
76	77/NQ-CHP	01/7/2020	Về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
77	78/NQ-CHP	03/7/2020	Về việc thành lập Tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu Gói thầu: “Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng”	100%
78	79/NQ-CHP	03/7/2020	Về việc thành lập Tổ thẩm định Dự án đầu tư xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ moóc tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%
79	80/NQ-CHP	06/7/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bốc xếp năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	100%
80	81/NQ-CHP	06/7/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bốc xếp năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	100%
81	82/NQ-CHP	06/7/2020	Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc cung cấp các dịch vụ năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công	100%

			ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	
82	83/NQ-CHP	06/7/2020	Về chủ trương nghiên cứu thuê thiết bị khai thác tuyến tiền phương	100%
83	84/NQ-CHP	06/7/2020	Về việc phê duyệt chỉ tiêu về lao động và đơn giá tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020	100%
84	85/NQ-CHP	08/7/2020	Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 cho cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
85	86/NQ-CHP	09/7/2020	Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	100%
86	87/NQ-CHP	10/7/2020	Về việc thực hiện quỹ thưởng Người quản lý Công ty năm 2019	100%
87	88/NQ-CHP	14/7/2020	Về việc điều chỉnh thông tin loại chứng khoán	100%
88	89/NQ-CHP	17/7/2020	Về việc phê duyệt Dự toán chi phí kiểm toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
89	90/NQ-CHP	21/7/2020	Về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung hợp đồng gói thầu “Mua sắm phần mềm quản lý tài chính kế toán và thiết bị công nghệ thông tin” thuộc dự án Đầu tư hệ thống thông tin quản lý tài chính kế toán tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
90	91/NQ-CHP	22/7/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
91	92/NQ-CHP	22/7/2020	Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình “Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 1,2 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ”	100%
92	93/NQ-CHP	24/7/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “Kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính	100%

			năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng”	
93	95/NQ-CHP	27/7/2020	Về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
94	96/NQ-CHP	27/7/2020	Về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2020	100%
95	97/NQ-CHP	27/7/2020	Về việc phê duyệt nội dung và công bố Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
96	98/NQ-CHP	29/7/2020	Về việc công bố Báo cáo tài chính quý II năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
97	99/NQ-CHP	31/7/2020	Về việc giao nhiệm vụ cán bộ kiêm nhiệm	100%
98	100/NQ-CHP	11/8/2020	Về việc xếp lương cho Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
99	101/NQ-CHP	11/8/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ năm 2020 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần HPH Logistics	100%
100	102/NQ-CHP	18/8/2020	Về việc cho thuê Văn phòng tại chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%
101	103/NQ-CHP	19/8/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
102	104/NQ-CHP	27/8/2020	Về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 đã được soát xét của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
103	105/NQ-CHP	01/9/2020	Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu công trình “Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 1,2 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ”	100%
104	106/NQ-CHP	09/9/2020	Về việc cho thuê mặt bằng lắp đặt thiết bị BTS phát sóng di động Vinaphone tại chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%
105	107/NQ-CHP	25/9/2020	Về việc ký kết phụ lục hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	100%
106	108/NQ-CHP	28/9/2020	Về chủ trương góp vốn thành	100%

			lập công ty liên doanh khai thác dịch vụ kho bãi (depot) tại khu vực Đình Vũ	
107	109/NQ-CHP	19/10/2020	Về việc mở Tài khoản chuyên thu cho chi nhánh Cảng Tân Vũ tại Ngân hàng	100%
108	110/NQ-CHP	27/10/2020	Về phương án chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	100%
109	111/NQ-CHP	28/10/2020	<p>Phiên họp ngày 25/10/2020 của Hội đồng quản trị công ty, gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2020 - Dự án đầu tư các bến cảng container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Hợp tác với Công ty cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ - Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi chuyển đổi mô hình của Công ty TNHH một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng - Chủ trương thoái vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của CTCP Cảng Hải Phòng - Một số nội dung khác 	100%
110	112/NQ-CHP	29/10/2020	Về việc công bố Báo cáo tài chính quý 3 năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	100%
111	113/NQ-CHP	06/11/2020	Về việc thanh xử lý vật tư tồn kho không có nhu cầu sử dụng tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ và Chi nhánh Cảng Tân Vũ	100%
112	114/NQ-CHP	11/11/2020	Về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	100%
113	115/NQ-CHP	19/11/2020	Về kế hoạch sản xuất kinh	100%

			doanh quý IV năm 2020	
114	116/NQ-CHP	24/11/2020	Về chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	100%
115	117/NQ-CHP	11/12/2020	Về việc thôi cử Người theo dõi phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	100%
116	118/NQ-CHP	14/12/2020	Về việc ký kết Phụ lục hợp đồng giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	100%
117	119/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 1, 2 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ”	100%
118	120/NQ-CHP	31/12/2020	Về phương án chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	100%
119	121/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc cung cấp các dịch vụ năm 2021 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	100%
10	122/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc cung cấp các dịch vụ năm 2021 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với Công ty cổ phần HPH Logistics	100%
121	123/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp các dịch vụ năm 2021 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	100%
122	124/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp các dịch vụ năm 2021 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	100%
123	125/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc thành lập Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	100%
124	126/NQ-CHP	31/12/2020	Về việc thành lập Tổ thẩm định đề án chi tiết giải pháp công	100%

			nghệ thông tin cơ cấu tổ chức, cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	
--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------	--

1.3.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên thông báo các Nghị quyết và nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ và đột xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải.

Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các buổi họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin, trao đổi trực tiếp và cùng tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành sản xuất của công ty.

Thực hiện quy định tại Điều lệ Cảng Hải Phòng, ngoài các cuộc họp tập trung, Hội đồng quản trị đã thực hiện xin ý kiến các thành viên bằng văn bản để nhanh chóng thảo luận và đưa ra các quyết định chỉ đạo đối với Ban điều hành. Các văn bản xin ý kiến và tài liệu liên quan được lưu giữ tại công ty làm cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Nguyễn Tường Anh giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/02/2020 và chỉ đạo thực hiện đăng ký thay đổi Người đại diện theo pháp luật trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ quản lý công ty niêm yết và các hồ sơ có liên quan khác của Cảng Hải Phòng bảo đảm kịp thời và đúng quy định pháp luật hiện hành.

Ngoài các buổi họp thường kỳ/đột xuất của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị còn thực hiện trao đổi thông tin qua email để thảo luận, tham gia ý kiến về các nội dung theo thẩm quyền. Việc trao đổi bằng hình thức này là thường xuyên và tích cực. Ý kiến tham gia, đề xuất của các thành viên đều được bộ phận Thư ký Công ty tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và lưu giữ tại văn phòng Hội đồng quản trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở phân công nhiệm vụ và nhu cầu nắm bắt thông tin trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Hải Phòng, tích cực, chủ động tham gia các buổi họp, buổi làm việc chuyên đề của Ban điều hành. Từ đó, có những ý kiến tham gia tích cực và hiệu quả đối với hoạt động quản trị, điều hành của Cảng Hải Phòng.

1.4 Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị, đã tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị từ năm 2018, trong đó có 01 thành viên được phân công theo dõi lĩnh vực kinh doanh tiếp thị, 01 thành viên được phân công theo dõi lĩnh vực đầu tư, sửa chữa. Đây là hai nội dung trọng yếu của công ty cần có sự theo dõi sát sao và tư vấn kịp thời, đặc biệt là trong giai đoạn Cảng Hải Phòng vừa duy trì sản xuất kinh doanh vừa đầu tư phát triển mở rộng tại khu vực Lạch Huyện. Trong năm 2020, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã tích cực, chủ động trao đổi thông tin với Hội đồng quản trị và Ban điều hành để đưa ra những khuyến nghị, đề xuất hợp lý, hiệu quả.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động của Cảng Hải Phòng nói chung và công tác quản trị của Hội đồng quản trị nói riêng, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị có một số đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng trong năm 2020 như sau:

Về các nội dung đã thảo luận của Hội đồng quản trị: Là một hoạt động thường xuyên và cơ bản, Hội đồng quản trị xem xét đề xuất của Ban điều hành, các bộ phận giúp việc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty, các Quy chế của công ty và pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị vẫn chủ động nghiên cứu, thảo luận nhiều nội dung liên quan đến hoạt động quản trị công ty và định hướng phát triển của công ty.

Về việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị: Việc thông qua các nội dung cần thảo luận được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản. Việc biểu quyết thông qua các nội dung tuân thủ nguyên tắc đa số và các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ và các Quy chế của công ty. Ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị được tổng hợp thành Biên bản, là cơ sở để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định và được lưu giữ tại bộ phận Thư ký Công ty để thuận lợi cho việc tra cứu. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông báo tới Ban kiểm soát, Ban điều hành.

Về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020: Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch này của Ban điều hành thông qua việc giao kế hoạch hàng quý. Hội đồng quản trị đã giao cho bộ phận Thư ký Công ty cập nhật tiến độ thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và các bộ phận có liên quan để có kịp thời nhắc nhở, đôn đốc, bảo đảm hiệu quả công việc.

Về hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị: Hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung và của từng thành viên Hội đồng quản trị được điều chỉnh bởi Điều lệ, các Quy chế của công ty và pháp luật hiện hành. Không có hành vi vượt quyền, lạm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn. Trong năm 2020, theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã được phân thành các nhóm để giám sát ba lĩnh vực trọng yếu của công ty gồm kinh doanh khai thác, kỹ thuật và đầu tư, nội chính. Các nhóm đã tích cực, chủ động xây dựng chương trình làm việc với Ban điều hành dưới các hình thức họp trực tuyến, trao đổi email để phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid và bảo đảm hiệu quả công việc.

Về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Thu nhập của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng: Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành được quy định và giám sát thực hiện trên cơ sở các Quy chế, Quy định về quản lý tài chính, tiền lương của Cảng Hải Phòng. Nhìn chung, nội dung này là được thực hiện minh bạch và nghiêm túc.

Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành: Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc yêu cầu Ban điều hành báo cáo bằng văn bản hoặc báo cáo trực tiếp tại cuộc họp và được thực hiện toàn diện trên các hoạt động của công ty. Nhìn chung, hoạt động giám sát được thực hiện đúng thẩm quyền và hiệu quả.

Về hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ: Tiểu ban đã thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao khi thực hiện công tác tham mưu cho Hội đồng quản trị.

1.5 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2020, Cảng Hải Phòng đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho thành viên Hội đồng

quản trị công ty như sau:

- Tổng mức thù lao Cảng Hải Phòng chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 540 triệu đồng.

- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (chức danh thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Chủ tịch Hội đồng quản trị) được hưởng lương quỹ lương Người quản lý chuyên trách của Cảng Hải Phòng.

Ngoài khoản thu nhập từ tiền lương, các thành viên Hội đồng quản trị còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Cảng Hải Phòng.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Số lượng: 03 người (gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên)

- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã PHP của các thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm 31/12/2020

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	
			SL cổ phần	Tỷ lệ
1	Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban		0,0064%
2	Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên		0,0005%
3	Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên		0%
	Tổng cộng:			

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ trong việc giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và của Cảng Hải Phòng. Trong đó, Ban kiểm soát tập trung vào một số hoạt động chính sau đây:

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp trong việc ban hành các quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty;
- Xem xét các tài liệu kế toán và các tài liệu quản trị khác của Công ty liên quan đến các nội dung xin ý kiến Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt;
- Giám sát công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của công ty.
- Giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Kiểm tra định kỳ các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, hợp pháp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đưa ra các kiến nghị, đề xuất điều chỉnh. Giám sát việc thực hiện các đề xuất sau kiểm tra.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước trong hoạt động thanh tra, kiểm tra tại công ty.
- Tư vấn, đưa ra ý kiến đánh giá theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty đối với các nội dung liên quan đến quản trị, điều hành.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 05 cuộc họp với các nội dung chính sau: hoàn thiện Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; thảo luận, thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2020; lập chương trình, nội dung cụ thể cho các đợt kiểm tra, đánh giá; thảo luận, thống nhất nội dung kết quả các đợt kiểm tra, đánh giá các hoạt động của công ty, các nội dung thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; nêu các khuyến nghị cần thiết đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.

Thông qua hoạt động kiểm tra, rà soát, Ban kiểm soát đã có một số khuyến nghị đối với Ban điều hành, Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động nhằm giảm thiểu những rủi ro đối với hoạt động của công ty.

Ban kiểm soát nghiêm chỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo quy định của Luật và Điều lệ công ty; phối hợp, hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong giải quyết các vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo các hoạt động của công ty hiệu quả, tuân thủ pháp luật, đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao

2.3 Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2020, tổng mức thù lao Cảng Hải Phòng chi trả cho thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách trong năm 2020: 120 triệu

+ Trưởng Ban kiểm soát (là thành viên chuyên trách) được hưởng lương từ quỹ lương Người quản lý chuyên trách của Cảng Hải Phòng.

Các thành viên Ban kiểm soát còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ và các quy chế quản lý của Cảng Hải Phòng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2020, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

Nội dung	Kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện (VNĐ)	Tỷ lệ
Thù lao HĐQT, BKS	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 9.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 9.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng	100%

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Nguyễn Tường Anh – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/2/2020 và thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 04 Phó Tổng Giám đốc để giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành.

Nhìn chung, công tác quản trị của Cảng Hải Phòng tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế, quy định của Cảng Hải Phòng và pháp luật hiện hành.

3.5 Những vấn đề lưu ý khác

3.5.1 Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

a. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu

- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu.

- Ông Phạm Hồng Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng là Chủ tịch HĐQT Cảng Hoàng Diệu.

b. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng

- Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu.

c. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng

- Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu.

d. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

- Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng do Cảng Hải Phòng nắm giữ 60% vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Văn Dũng (Thành viên Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng) là Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp.

e. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ do Cảng Hải Phòng nắm giữ 51% vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Ông Chu Minh Hoàng – Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng là Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng kiêm Thành viên Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp.

- Bà Trần Thị Thanh Hải – Kế toán trưởng Cảng Hải Phòng là Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng kiêm Trưởng Ban kiểm soát tại doanh nghiệp.

f. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần HPH Logistics

- Công ty cổ phần HPH Logistics do Cảng Hải Phòng nắm giữ 38,81% vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Tường Anh – Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng là Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tại doanh

nghiệp.

g. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam: Cổ đông lớn của Cảng Hải Phòng.

3.5.2 Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát

a. Hợp đồng giữa Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu và Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng

- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu

+ Ông Phạm Hồng Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng là Chủ tịch Hội đồng thành viên tại doanh nghiệp.

- Công ty TNHH một thành viên Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu.

b. Hợp đồng giữa Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

- Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng – doanh nghiệp do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu

- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu – do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu.

- Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng – do Cảng Hải Phòng nắm giữ 60% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ – do Cảng Hải Phòng nắm giữ 51% vốn điều lệ.

3.5.3 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo

a. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

- Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng do Cảng Hải Phòng nắm giữ 60% vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Văn Dũng (Thành viên Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng) là Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp.

b. Cảng Hải Phòng ký hợp đồng với Công ty cổ phần HPH Logistics.

- Công ty cổ phần HPH Logistics do Cảng Hải Phòng nắm giữ 38,81% vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Tường Anh – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng là Người đại diện phần vốn của Cảng Hải Phòng kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp

3.5.4 Giao dịch khác

Ký hợp đồng với doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Cổ đông lớn của Cảng Hải Phòng, gồm:

- Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

- Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship

3.5.5 Các nội dung khác

Trong năm 2020, Cảng Hải Phòng đã nghiên cứu việc thoái vốn tại các doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty và tập trung hợp tác, liên doanh với các đối tác trong các lĩnh vực hỗ trợ hoạt động khai thác cảng biển.

Công ty đã thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin loại chứng khoán từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng đối với 23.600 cổ phiếu mã PHP cho 21 cổ đông của công ty (là các cá nhân tham gia chương trình mua cổ phần ưu đãi có cam kết thời gian làm việc với Cảng Hải Phòng tại thời điểm công ty thực hiện cổ phần hóa đã đủ điều kiện chuyển đổi).

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2020 (BCTC riêng và BCTC hợp nhất), ý kiến của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính và các giải trình liên quan được đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020 của Cảng Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TKCT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tường Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Phụ lục 01

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020 CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)

1 Công ty con

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	Công ty TNHH một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Công ty TNHH một thành viên Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng	CTCP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
1	Doanh thu	369.085.520.277	4.526.196.937	3.055.345.288	83.298.905.732	610.160.973.740
2	Chi phí	308.226.415.670	5.270.142.682	3.023.051.021	74.316.404.831	319.814.401.838
3	Lợi nhuận trước thuế	60.859.104.607	(743.945.745)	32.294.267	8.982.500.901	290.346.571.902
4	Lợi nhuận sau thuế	48.604.379.559	(743.945.745)	27.257.730	7.684.630.775	237.680.470.808
5	Tổng tài sản tại 31/12/2020	564.386.526.099	14.580.877.399	1.879.337.665	52.583.463.802	1.396.134.734.159
6	Tổng nợ phải trả tại 31/12/2020	85.782.146.540	1.235.757.939	852.079.935	13.615.433.027	112.808.118.535
7	Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020	478.604.379.559	13.345.119.460	1.027.257.730	38.968.030.775	1.283.326.615.624

2 Công ty liên doanh liên kết

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	CTCP Tiếp vận Đình Vũ	CTCP Logistics Cảng Sài Gòn	CTCP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	CTCP Đầu tư và Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	CTCP HPH Logistics
1	Doanh thu	275.128.743.727	41.077.780.764	45.335.527.693	695.872.820	40.666.751.661	38.511.712.713
2	Chi phí	209.301.055.433	55.176.669.035	41.335.483.537	1.337.440.904	34.675.784.860	34.477.112.508
3	Lợi nhuận trước thuế	65.827.688.294	(14.098.888.271)	4.000.044.156	(641.568.084)	5.990.966.801	4.034.600.205
4	Lợi nhuận sau thuế	61.038.554.986	(14.098.888.271)	3.369.679.153	(641.568.084)	5.990.966.801	3.970.464.500
5	Tổng tài sản tại 31/12/2020	366.689.972.497	40.595.830.865	23.799.572.061	90.628.709.972	206.872.880.596	42.576.463.435
6	Tổng nợ phải trả tại 31/12/2020	31.334.822.942	1.750.919.590	7.907.389.120	3.892.626.598	114.414.159.668	8.157.303.887
7	Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020	335.355.149.555	38.844.911.275	15.892.182.941	86.736.083.374	92.458.720.928	34.419.159.548

Ghi chú

1. CTCP Vận tải Container Đông Đô CHP đã đăng ký tạm ngừng hoạt động từ 01/9/2018 đến 01/9/2019. Tuy nhiên, hết thời hạn này công ty vẫn chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. CTCP Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-48
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Lương Đình Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thanh Thùy	Ủy viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Ủy viên
Ông Nguyễn Tường Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2020
Ông Cao Trung Ngoan	Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/08/2020
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2020
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2020
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2020
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 31/01/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban
Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng được lập ngày 19 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng Cân đối kế toán đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 149,9 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Tuy nhiên, Công ty cũng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

(Thông tin chi tiết về các vấn đề nêu trên xem tại Thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty (đính kèm).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề đã nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05, bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản vay tương ứng được ghi nhận đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 27/03/2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.673.708.066.449	1.557.458.459.648
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	75.300.559.232	187.670.533.154
111	1. Tiền		75.300.559.232	13.470.533.154
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	174.200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.273.138.000.000	1.069.595.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.273.138.000.000	1.069.595.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		272.210.355.473	247.355.140.580
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	175.726.385.816	160.424.257.168
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.959.210.955	3.207.918.974
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	112.909.281.379	109.124.338.360
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.384.522.677)	(25.401.373.922)
140	IV. Hàng tồn kho	9	41.216.034.156	38.211.680.649
141	1. Hàng tồn kho		41.216.034.156	38.211.680.649
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.843.117.588	14.626.105.265
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	11.560.595.919	14.024.487.764
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	601.617.501
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	282.521.669	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.387.416.831.746	3.630.876.368.172
220	II. Tài sản cố định		1.991.910.512.150	2.136.210.259.007
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.989.963.285.150	2.134.218.645.007
222	- Nguyên giá		4.672.064.134.557	4.669.724.839.729
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.682.100.849.407)	(2.535.506.194.722)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.947.227.000	1.991.614.000
228	- Nguyên giá		32.184.695.138	31.901.695.138
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.237.468.138)	(29.910.081.138)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.973.276.807	1.858.821.117
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	5.973.276.807	1.858.821.117
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.362.106.365.867	1.430.950.598.899
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		83.143.237.464	83.143.237.464
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.632.636.000	17.755.136.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(18.171.198.706)	(19.449.465.674)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		27.426.676.922	61.856.689.149
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.591.898.061	20.955.353.543
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	11.834.778.861	40.901.335.606
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.061.124.898.195	5.188.334.827.820

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.001.955.709.112	1.216.512.965.398
310	I. Nợ ngắn hạn		337.086.524.829	534.069.556.447
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	73.674.575.184	52.852.456.108
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.396.187.744	1.661.390.932
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	38.443.265.609	54.514.862.754
314	4. Phải trả người lao động		105.710.929.233	95.603.478.277
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	61.446.325.554	206.866.302.257
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.987.097.164	67.200.524.260
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	35.192.369.212	33.234.797.596
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18.235.775.129	22.135.744.263
330	II. Nợ dài hạn		664.869.184.283	682.443.408.951
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	664.869.184.283	682.443.408.951
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.059.169.189.083	3.971.821.862.422
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	4.059.169.189.083	3.971.821.862.422
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		374.887.432.138	287.408.908.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		414.681.756.945	414.812.953.678
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		90.353.758.284	85.612.929.378
421b	LNST chưa phân phối năm nay		324.327.998.661	329.200.024.300
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.061.124.898.195	5.188.334.827.820



Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.147.329.399.002	1.169.372.160.565
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.147.329.399.002	1.169.372.160.565
11	4. Giá vốn hàng bán	22	767.276.387.841	796.769.977.957
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		380.053.011.161	372.602.182.608
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	130.463.027.801	164.481.672.373
22	7. Chi phí tài chính	24	27.996.354.510	51.053.259.154
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.932.997.970	42.499.523.525
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	90.206.942.689	99.433.124.416
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		392.312.741.763	386.597.471.411
31	11. Thu nhập khác	26	1.462.672.935	1.440.754.831
32	12. Chi phí khác	27	803.104.575	137.099.754
40	13. Lợi nhuận khác		659.568.360	1.303.655.077
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		392.972.310.123	387.901.126.488
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	39.577.754.717	66.147.265.729
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	29.066.556.745	(7.446.163.541)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		324.327.998.661	329.200.024.300

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		392.972.310.123	387.901.126.488
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		146.802.555.685	207.276.511.309
03	- Các khoản dự phòng		(1.295.118.213)	(715.334.613)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18.380.854.085	8.961.716.120
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(127.275.133.668)	(162.438.452.291)
06	- Chi phí lãi vay		8.932.997.970	42.499.523.525
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		438.518.465.982	483.485.090.538
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(49.920.346.185)	(16.363.293.719)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.004.353.507)	(8.251.297.896)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		31.511.958.065	17.534.065.062
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		7.827.347.327	2.006.079.224
14	- Tiền lãi vay đã trả		(154.352.974.673)	(5.433.560.694)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(54.922.813.847)	(62.047.747.235)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.350.000	32.121.500
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.400.126.134)	(45.638.791.577)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		171.280.507.028	365.322.665.203
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.355.837.721)	(13.106.663.904)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.562.138.000.000)	(1.625.395.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.428.595.000.000	1.201.665.930.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		678.842.280	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		157.383.340.235	160.844.670.019
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.163.344.794	(275.991.063.885)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(33.633.213.614)	(32.974.415.475)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(261.568.000.000)	(130.784.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(295.201.213.614)	(163.758.415.475)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(111.757.361.792)	(74.426.814.157)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		187.670.533.154	262.268.805.477
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(612.612.130)	(171.458.166)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>75.300.559.232</u>	<u>187.670.533.154</u>

Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 3.269.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.269.600.000.000 đồng; tương đương 326.960.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1.346 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1.359 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Số 05 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp các dịch vụ tại cảng biển và diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	980.241.500	1.029.884.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.320.317.732	12.440.648.654
Các khoản tương đương tiền	-	174.200.000.000
	<u>75.300.559.232</u>	<u>187.670.533.154</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.273.138.000.000	-	1.069.595.000.000	-
	<u>1.273.138.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.069.595.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 1.273.138.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 6,0%/năm đến 7,0 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	1.279.501.691.109	971.730.000.000	(1.654.880.540)	1.279.501.691.109	755.520.000.000	(910.934.795)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP) (*)	816.000.000.000	954.720.000.000	-	816.000.000.000	742.560.000.000	-
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng (TUG) (*)	17.501.691.109	17.010.000.000	-	17.501.691.109	12.960.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	430.000.000.000		-	430.000.000.000		-
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000		(1.654.880.540)	15.000.000.000		(910.934.795)
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	1.000.000.000		-	1.000.000.000		-
Đầu tư vào Công ty liên kết	83.143.237.464		(15.035.187.154)	83.143.237.464		(17.337.399.867)
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000		(6.300.000.000)	6.300.000.000		(6.300.000.000)
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000		-	3.000.000.000		(473.481.585)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035		-	25.289.203.035		-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000		(3.217.152.725)	31.440.000.000		(5.045.883.853)
- Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429		(5.518.034.429)	5.518.034.429		(5.518.034.429)
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	11.596.000.000		-	11.596.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác	17.632.636.000		(1.481.131.012)	17.755.136.000		(1.201.131.012)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB) (*)	15.307.119.745	28.263.412.400	-	15.307.119.745		-
- Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	144.385.243		-	144.385.243		-
- Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng (HAC) (*)	-		-	122.500.000	661.756.920	-
- Công ty CP Vinalines Logistics - Việt Nam (VLG) (*)	2.181.131.012	700.000.000	(1.481.131.012)	2.181.131.012	980.000.000	(1.201.131.012)
	1.380.277.564.573		(18.171.198.706)	1.380.400.064.573		(19.449.465.674)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa trên sàn chứng khoán Upcom và sàn chứng khoán Hose tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP)	Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng (TUG)	Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	60,00%	60,00%	Dịch vụ Cảng biển, lai dắt tàu
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 đường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	100,00%	100,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa, nha khoa
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 5 Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	100,00%	100,00%	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	Số 4A Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Số 03 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Logistics và khai thác cảng biển
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	16 Hoàng Diệu, P.Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	Số 01 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng	38,81%	38,81%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	1.503.373	0,13%	Hoạt động dịch vụ tài chính.
- Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	44 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	1.375	3,06%	In ấn; Hóa đơn điện tử; Tin học; Cho thuê văn phòng.
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics (VLG)	Phòng 405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	200.000	1,41%	Logistics và vận tải hàng hóa

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ocean Network Express Pte., Ltd	10.156.782.081	-	11.187.985.469	-
- Wan Hai Lines	8.821.050.248	-	13.829.154.898	-
- Maersk Line A/S	8.118.548.440	-	8.989.479.894	-
- Sealand Maersk Asia Pte. Ltd (trước đây là MCC Transport Singapore Pte. Ltd)	9.886.234.218	-	9.575.900.189	-
- HYUNDAI MERCHANT MARINE CO.,LTD	-	-	3.484.569.843	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	7.806.416.452	-	11.477.022.428	-
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	9.930.305.723	(9.930.305.723)
- Công ty TNHH KMTC	-	-	4.130.577.971	-
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	343.068.000	-	7.669.890.655	-
- Công ty Cổ phần Hàng Hải VSICO	9.947.051.701	-	3.901.064.560	-
- Công ty Cổ Phần Vận tải biển Việt Nam	7.241.115.953	-	7.311.649.445	-
- Công ty TNHHMTV Vận tải biển dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	6.628.866.818	(6.628.866.818)
- Phải thu các đối tượng khác	96.846.946.182	(8.825.350.136)	62.307.789.275	(8.842.201.381)
	175.726.385.816	(25.384.522.677)	160.424.257.168	(25.401.373.922)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.669.712.423	-	17.841.082.921	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	1.183.531.133	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp cảng và Hậu cần	1.557.041.155	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	940.043.395	-	782.626.000	-
- Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp	1.560.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.718.595.272	-	2.425.292.974	-
	8.959.210.955	-	3.207.918.974	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	298.621.993	-	34.566.363.655	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.981.789.753	-	26.378.596.938	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	45.376.500	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	11.767.384	-	-	-
- Tạm ứng	603.483.129	-	362.300.000	-
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ cho công ty con	32.280.499.715	-	32.280.499.715	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	2.783.977.978	-	11.819.337.341	-
- Khấu hao tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (*)	44.887.141.500	-	-	-
- Phải thu người lao động nộp bổ sung thuế TNCN	157.201.592	-	111.023.992	-
- Phải thu khác	1.859.421.835	-	3.606.216.719	-
	112.909.281.379	-	109.124.338.360	-
b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	32.579.121.708	-	66.846.863.370	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 04, số 05 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Hải Dương	367.184.730	-	367.184.730	-
- Công ty CP TMDV và Vận tải Trọng Tín	915.035.424	-	915.035.424	-
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Hoàng Ngân	777.244.311	-	777.244.311	-
- Công ty CP Vận tải container Đông Đô cảng Hải Phòng	3.309.104.650	-	3.322.171.132	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phú Lộc	339.894.940	-	339.894.940	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	6.628.866.818	-
- Công ty CP Nam Việt	389.060.520	-	390.750.985	-
- Chi nhánh Công ty CP Vinalines Đông Bắc	435.955.433	-	436.403.386	-
- Công ty TNHH DV TM Hải châu	965.762.010	-	965.762.010	-
- MCC Transport Singapore Pte, Ltd	305.814.114	-	307.142.874	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	-
- Các khoản khác	1.020.294.004	-	1.020.611.589	-
	25.384.522.677	-	25.401.373.922	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.215.552.231	-	36.833.899.647	-
Công cụ, dụng cụ	1.111.817.380	-	1.367.190.548	-
Hàng hoá	888.664.545	-	10.590.454	-
	41.216.034.156	-	38.211.680.649	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5,6	-	65.009.133
- Dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (*)	4.656.783.218	578.639.438
- Dự án cải tạo cầu 3, 4 Cảng Chùa Vẽ phục vụ lắp đặt cần cầu quay	429.634.364	494.643.497
- Các công trình khác	886.859.225	720.529.049
	<u><u>5.973.276.807</u></u>	<u><u>1.858.821.117</u></u>

(*) Thông tin dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.919 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025. Dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác bến số 3 từ năm 2022;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Khảo sát địa hình, địa chất, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500...vv..).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm nghiệp vụ với nguyên giá là 32.184.695.138 đồng và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là 30.237.468.138 đồng, giá trị khấu hao trong năm là 327.387.000 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.729.818.818.786	79.814.651.986	2.815.662.582.509	44.428.786.448	4.669.724.839.729
- Mua trong năm	-	-	740.416.364	435.498.000	1.175.914.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	172.581.157	-	-	1.271.799.307	1.444.380.464
- Thanh lý, nhượng bán	(281.000.000)	-	-	-	(281.000.000)
Số dư cuối năm	1.729.710.399.943	79.814.651.986	2.816.402.998.873	46.136.083.755	4.672.064.134.557
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	752.305.974.212	40.274.661.827	1.717.002.606.826	25.922.951.857	2.535.506.194.722
- Khấu hao trong năm	43.604.965.918	3.051.432.000	96.463.216.468	3.756.040.299	146.875.654.685
- Thanh lý, nhượng bán	(281.000.000)	-	-	-	(281.000.000)
Số dư cuối năm	795.629.940.130	43.326.093.827	1.813.465.823.294	29.678.992.156	2.682.100.849.407
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	977.512.844.574	39.539.990.159	1.098.659.975.683	18.505.834.591	2.134.218.645.007
Tại ngày cuối năm	934.080.459.813	36.488.558.159	1.002.937.175.579	16.457.091.599	1.989.963.285.150

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.248.775.721.615 đồng.

Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình đối với cầu cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2020 là 149,9 tỷ đồng).

Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.

Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.

Trong năm 2020, Công ty đã tạm dừng trích khấu hao đối với các tài sản này. Giá trị khấu hao ước tính là 6,2 tỷ đồng.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	5.516.197.182	5.298.683.426
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.035.827.948	2.586.295.487
Chi phí sửa chữa, nạo vét	1.528.249.273	2.613.678.444
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.480.321.516	3.525.830.407
	11.560.595.919	14.024.487.764
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	10.659.771.010	13.826.908.111
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.779.558.203	6.792.392.880
Chi phí trả trước dài hạn khác	152.568.848	336.052.552
	15.591.898.061	20.955.353.543

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Cảng	638.154.564	638.154.564	413.719.564	413.719.564
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	9.286.115.695	9.286.115.695	6.299.898.911	6.299.898.911
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	736.002.073	736.002.073	4.227.322.631	4.227.322.631
Công ty Cổ phần Unico Vina	3.465.927.080	3.465.927.080	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico	4.439.932.200	4.439.932.200	-	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng Thành Đông	4.371.175.000	4.371.175.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	50.737.268.572	50.737.268.572	41.911.515.002	41.911.515.002
	73.674.575.184	73.674.575.184	52.852.456.108	52.852.456.108
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	10.354.535.718	10.354.535.718	6.858.207.319	6.858.207.319

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.794.602.753	37.580.698.220	37.178.741.015	-	3.196.559.958
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.147.265.729	39.577.754.717	54.922.813.847	197.793.401	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.295.528.931	8.855.097.576	10.235.354.775	84.728.268	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	35.277.465.341	45.956.848.706	45.987.608.396	-	35.246.705.651
Các loại thuế khác	-	-	54.264.029	54.264.029	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	439.370.657	439.370.657	-	-
	-	54.514.862.754	132.464.033.905	148.818.152.719	282.521.669	38.443.265.609

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	60.942.310.862	206.362.287.565
- Chi phí phải trả khác	504.014.692	504.014.692
	<u>61.446.325.554</u>	<u>206.866.302.257</u>

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả tạm tính cho khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 59.173.894.308 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 204.506.678.033 đồng). Trong năm, Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu cảng số 04, số 05 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 149.331.122.261 đồng.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	321.388.400
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	65.392.000.000
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	1.122.880.000	1.125.404.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	858.217.164	355.731.860
	<u>1.987.097.164</u>	<u>67.200.524.260</u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	<u>-</u>	<u>60.528.275.400</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	33.234.797.596	33.234.797.596	35.675.487.848	33.717.916.232	35.192.369.212	35.192.369.212
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả ⁽¹⁾	33.234.797.596	33.234.797.596	35.675.487.848	33.717.916.232	35.192.369.212	35.192.369.212
	<u>33.234.797.596</u>	<u>33.234.797.596</u>	<u>35.675.487.848</u>	<u>33.717.916.232</u>	<u>35.192.369.212</u>	<u>35.192.369.212</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II ⁽¹⁾	332.347.975.960	332.347.975.960	18.101.263.180	33.717.916.232	316.731.322.908	316.731.322.908
- Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 bãi container, bến Cảng chùa Vẽ ⁽²⁾	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung ⁽²⁾	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
	<u>715.678.206.547</u>	<u>715.678.206.547</u>	<u>18.101.263.180</u>	<u>33.717.916.232</u>	<u>700.061.553.495</u>	<u>700.061.553.495</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(33.234.797.596)	(33.234.797.596)	(35.675.487.848)	(33.717.916.232)	(35.192.369.212)	(35.192.369.212)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>682.443.408.951</u>	<u>682.443.408.951</u>			<u>664.869.184.283</u>	<u>664.869.184.283</u>



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm và phí vay lại 0,2%/năm; lãi và gốc được trả thành 40 kỳ vào ngày 20 tháng 02 và ngày 20 tháng 08 hàng năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.
- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải ("Quyết định 4196/QĐ-BGTVT").

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay với số tiền lãi ước tính là 26,4 tỷ đồng đối với giá trị khoản vay cầu cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ.

Tại Văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP - QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND		VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.269.600.000.000	217.294.930.168	261.876.162.409	3.748.771.092.577
Lãi trong năm trước	-	-	329.200.024.300	329.200.024.300
Phân phối lợi nhuận	-	70.022.606.031	(176.263.233.031)	(106.240.627.000)
Tăng khác	-	91.372.545	-	91.372.545
Số dư cuối năm trước	3.269.600.000.000	287.408.908.744	414.812.953.678	3.971.821.862.422
Số dư đầu năm nay	3.269.600.000.000	287.408.908.744	414.812.953.678	3.971.821.862.422
Lãi trong năm nay	-	-	324.327.998.661	324.327.998.661
Phân phối lợi nhuận	-	87.405.902.394	(324.459.195.394)	(237.053.293.000)
Tăng khác	-	72.621.000	-	72.621.000
Số dư cuối năm nay	3.269.600.000.000	374.887.432.138	414.681.756.945	4.059.169.189.083

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	329.200.024.300
Trích Quỹ đầu tư phát triển	26,55%	87.405.902.394
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,42%	40.877.293.000
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	59,59%	196.176.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,44%	4.740.828.906

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000
Các cổ đông khác	7,44%	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000
	100%	3.269.600.000.000	100%	3.269.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>3.269.600.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>3.269.600.000.000</u>	<u>3.269.600.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	65.392.000.000	130.784.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	196.176.000.000	65.392.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	196.176.000.000	65.392.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(261.568.000.000)	(130.784.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(261.568.000.000)</u>	<u>(130.784.000.000)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>-</u>	<u>65.392.000.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	326.960.000	326.960.000
- Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
- Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	374.887.432.138	287.408.908.744
	<u>374.887.432.138</u>	<u>287.408.908.744</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m2. Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 4 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng và dịch vụ ăn uống. Diện tích khu đất thuê là 2.276,8 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thửa đất trên đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Công ty đã hoàn tất thủ tục hồ sơ để xin gia hạn tiếp tục được thuê đất để phục vụ kinh doanh. Sở Tài nguyên và Môi trường TP.Hải Phòng đã trình hồ sơ lên UBND TP.Hải Phòng, Tuy nhiên UBND trả lời không gia hạn cho thửa đất trên, vì nằm trong kế hoạch di dời Cảng Hải Phòng từ năm 2020-2025 thuộc dự án Nam Sông Cấm. Do vậy Sở Tài nguyên và Môi trường không ký gia hạn hợp đồng thuê đất cho Công ty.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP.Hải Phòng theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, hiện nay là Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ diện tích sử dụng là: 236,820,2 m², trong đó có các Quyết định giao đất như sau: Số:531/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 30/3/1999 diện tích cấp đất là 55.693,9 m²; Số:1869/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 27/9/2000 diện tích cấp đất là 8.451,5 m²; Số:1184/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 22/4/2004 diện tích cấp đất là: 74.776,2m²; Diện tích đất còn lại là 97.898,6 m² Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao từ năm 1955 nhưng chưa có quyết định giao đất. Khu đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chênh lệch diện tích đất theo quyết định đã cấp, vì vậy phải chờ UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định giao diện tích đất là 97.898,6 m² cho Công ty. Tại đây, Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích và chấp hành tốt quy định về luật đất đai.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 9 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng để sử dụng làm trụ sở Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.022 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất. Công ty đang sử dụng khu đất để làm kho bãi chứa hàng.
- Thửa đất tại số 02 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ nối liền giữa đường Hoàng Diệu và đường Lê Thánh Tông với tổng diện tích quản lý và sử dụng là 329.613,9 m². Trong đó, diện tích sử dụng sản xuất kinh doanh là 154.127,3 m². Diện tích còn lại là 175.486,6 m² là khu vực ga phân loại trong cảng gồm 07 làn đường sắt, 01 trạm cân toa và hành lang đường sắt chạy dọc trong cảng, đường giao thông trong cảng. Khu vực bãi phòng không trại pháo 37 ly và 03 hầm trú ẩn tập thể do Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng quản lý. Hiện nay khu đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy hoạch di dời cảng để thực hiện dự án Nam Sông Cấm. Công ty được tiếp quản thửa đất này từ năm 1955 (Cảng chính) và đang làm trụ sở kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu.
- Công ty được giao thửa đất tại Khu hậu cần Bến Gót - Cát Hải theo Quyết định số 425/QĐ-UBND Thành phố Hải Phòng ngày 27/02/2006. Diện tích khu đất là 5.299 m². Công ty đã hoàn thiện hồ sơ để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng khu nhà hậu cần phục vụ khu neo đậu chuyển tải cho cán bộ nhân viên của Công ty khi làm hàng chuyển tải tại đây. Ngày 05/4/2017, UBND huyện Cát Hải có Thông báo số 480/TB-UBND thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) do Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ làm chủ đầu tư, vì vậy thửa đất không đưa vào sử dụng. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án thu hồi thửa đất này. Hiện nay thửa đất này không phải trả tiền thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.037.276,10	93.892,95

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bốc xếp	994.343.128.762	965.058.063.735
Doanh thu lưu bãi	85.558.594.311	141.032.101.141
Doanh thu lai đất	42.576.275.821	41.541.834.423
Doanh thu kiểm đến, giao nhận, cân hàng	6.095.345.700	6.865.490.133
Dịch vụ khác	18.756.054.408	14.874.671.133
	<u>1.147.329.399.002</u>	<u>1.169.372.160.565</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>37.489.263.049</u>	<u>32.025.630.762</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	767.276.387.841	796.769.977.957
	<u>767.276.387.841</u>	<u>796.769.977.957</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>45.031.214.684</u>	<u>43.907.070.252</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	74.666.212.198	64.487.519.116
Lãi bán các khoản đầu tư	556.342.280	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.052.579.190	97.950.933.175
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.183.208.073	2.034.352.222
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.686.060	8.867.860
	<u>130.463.027.801</u>	<u>164.481.672.373</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>52.052.579.190</u>	<u>97.106.233.985</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.932.997.970	42.499.523.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.960.769.423	1.337.393.936
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.380.854.085	8.961.716.118
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(1.278.266.968)	(1.745.374.425)
	<u>27.996.354.510</u>	<u>51.053.259.154</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.368.882.000	2.171.962.300
Chi phí nhân công	51.846.848.185	51.632.786.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.162.569.757	2.660.478.375
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(16.851.245)	1.030.039.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.540.988.226	3.810.155.596
Chi phí khác bằng tiền	32.304.505.766	38.127.702.240
	90.206.942.689	99.433.124.416

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền điện cho thuê ngoài	946.674.825	1.240.507.669
Thu nhập khác	515.998.110	200.247.162
	1.462.672.935	1.440.754.831

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	687.407.438	-
Tiền điện cho thuê ngoài	87.128.215	87.099.754
Chi phí khác	28.568.922	50.000.000
	803.104.575	137.099.754

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	392.972.310.123	387.901.126.488
Các khoản điều chỉnh tăng	4.922.424.321	39.529.072.422
- Chi phí không hợp lệ	924.085.785	-
- Điều chỉnh tăng phần trích trước lãi vay vốn ODA	3.998.338.536	39.529.072.422
Các khoản điều chỉnh giảm	(201.383.701.451)	(97.950.933.175)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(52.052.579.190)	(97.950.933.175)
- Giảm do đã trả các khoản lãi trích trước vốn ODA	(149.331.122.261)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	196.511.032.993	329.479.265.735
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	39.302.206.599	65.895.853.147
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	275.548.118	251.412.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	15.147.265.729	11.047.747.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(54.922.813.847)	(62.047.747.235)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(197.793.401)	15.147.265.729

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.834.778.861	40.901.335.606
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>11.834.778.861</u>	<u>40.901.335.606</u>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.866.224.452	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(799.667.707)	(7.446.163.541)
	<u>29.066.556.745</u>	<u>(7.446.163.541)</u>

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.287.063.138	86.111.983.446
Chi phí nhân công	379.370.466.335	363.974.435.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.802.555.685	207.276.511.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.123.425.995	83.490.347.943
Chi phí khác bằng tiền	155.899.819.377	155.349.823.693
	<u>857.483.330.530</u>	<u>896.203.102.373</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.300.559.232	-	187.670.533.154	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	288.635.667.195	(25.384.522.677)	269.548.595.528	(25.401.373.922)
Các khoản cho vay	1.273.138.000.000	-	1.139.595.000.000	-
Đầu tư dài hạn	17.488.250.757	(1.481.131.012)	17.610.750.757	(1.201.131.012)
	<u>1.654.562.477.184</u>	<u>(26.865.653.689)</u>	<u>1.614.424.879.439</u>	<u>(26.602.504.934)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	700.061.553.495	715.678.206.547
Phải trả người bán, phải trả khác	75.661.672.348	120.052.980.368
Chi phí phải trả	61.446.325.554	206.866.302.257
	<u>837.169.551.397</u>	<u>1.042.597.489.172</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư dài hạn	-	16.007.119.745	-	16.007.119.745
	<u>-</u>	<u>16.007.119.745</u>	<u>-</u>	<u>16.007.119.745</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư dài hạn	-	16.409.619.745	-	16.409.619.745
	<u>-</u>	<u>16.409.619.745</u>	<u>-</u>	<u>16.409.619.745</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.300.559.232	-	-	75.300.559.232
Phải thu khách hàng, phải thu khác	263.251.144.518	-	-	263.251.144.518
Các khoản cho vay	1.273.138.000.000	-	-	1.273.138.000.000
	<u>1.611.689.703.750</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.611.689.703.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	187.670.533.154	-	-	187.670.533.154
Phải thu khách hàng, phải thu khác	244.147.221.606	-	-	244.147.221.606
Các khoản cho vay	1.069.595.000.000	70.000.000.000	-	1.139.595.000.000
	<u>1.501.412.754.760</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.571.412.754.760</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	35.192.369.212	664.869.184.283	-	700.061.553.495
Phải trả người bán, phải trả khác	75.661.672.348	-	-	75.661.672.348
Chi phí phải trả	61.446.325.554	-	-	61.446.325.554
	<u>172.300.367.114</u>	<u>664.869.184.283</u>	<u>-</u>	<u>837.169.551.397</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	33.234.797.596	682.443.408.951	-	715.678.206.547
Phải trả người bán, phải trả khác	120.052.980.368	-	-	120.052.980.368
Chi phí phải trả	206.866.302.257	-	-	206.866.302.257
	<u>360.154.080.221</u>	<u>682.443.408.951</u>	<u>-</u>	<u>1.042.597.489.172</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN KHÁC

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa vế là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Năm 2006, cả hai cầu cảng số 04 và 05 đã được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vế (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ đồng.

- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ đồng này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ đồng. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ đồng.

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vế - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2020 là 279,7 tỷ đồng và 149,9 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ đồng (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vế và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container - Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vế từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 đồng (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 đồng và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 đồng).

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước các khoản trên và hạch toán vào:

+ Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 đồng (Xem thêm tại thuyết minh số 7).

+ Giảm số trích trước chi phí phải trả đối chi phí lãi vay tạm trích trước với tổng số tiền là: 149.331.122.261 đồng (Xem thêm tại thuyết minh số 16).

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.
- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05, bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:
 - + Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.
 - + Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.
 - + Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do nhà nước đầu tư.
- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước đây là Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần HPH Logistics	Công ty liên kết
Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chia cổ tức	-	60.528.275.400
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	60.528.275.400
Cổ tức được chia	52.052.579.190	97.106.233.985
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	51.000.000.000	61.200.000.000
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải phòng		1.620.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	-	34.267.741.662
Công ty Cổ phần HPH Logistics	1.043.640.000	-
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	-	18.492.323
Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	8.939.190	-
Doanh thu	37.489.263.049	32.025.630.762
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	987.985.308	1.458.166.793
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải phòng	5.857.094.961	6.134.310.188
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.587.491.619	1.003.481.025
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	84.638.140	140.586.220
Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	18.941.905.356	14.586.473.777
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	1.203.950.565	2.051.397.544
Công ty cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	369.719.200	290.811.700
Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge LTD)	401.552.000	267.210.000
Công ty cổ phần HPH Logistics	8.054.925.900	6.093.193.515
Mua dịch vụ	45.031.214.684	43.907.070.252
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	408.417.157	498.565.100
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải phòng	41.105.740.522	40.020.216.642
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.360.242.060	1.593.456.010
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	1.780.414.945	1.269.432.500
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	376.400.000	525.400.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	13.669.712.423	17.841.082.921
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	331.729.726	126.232.228
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	76.119.406	33.962.720
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.605.435.159	9.555.673
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	885.595.677	282.153.960
Công ty Cổ phần HPH Logistic	132.292.840	1.016.409.895
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.309.104.662	3.322.171.132

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	7.241.115.953	7.311.649.445
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	88.319.000	68.475.000
Công ty Vận tải biển Vinalines - CN	-	5.670.472.868
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Phải thu khác	32.579.121.708	66.846.863.370
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	32.280.499.715	66.548.241.377
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	18.492.323	18.492.323
Công ty TNHH Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	280.129.670	280.129.670
Phải trả người bán	10.354.535.718	6.858.207.319
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	9.286.115.695	6.299.898.911
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	338.448.000	528.088.658
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	390.751.650	30.219.750
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	339.220.373	-
Phải trả khác	-	60.528.275.400
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	60.528.275.400

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm nay
		VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	Chức danh	540.000.000
Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	108.000.000
Lương Đình Minh	Ủy viên	108.000.000
Đỗ Thị Thanh Thủy	Ủy viên	108.000.000
Vũ Quyết Thắng	Ủy viên	108.000.000
Nguyễn Xuân Kỳ	Ủy viên	108.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Chức danh	8.145.461.111
Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	1.599.597.023
Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	856.034.851
Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	1.554.454.750
Cao Trung Ngoan	Nguyên Tổng Giám đốc	91.841.649
Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	447.952.735
Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	563.407.023
Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	578.897.298
Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	564.189.195
Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	802.416.780
Trần Thị Thanh Hải	Kế toán trưởng	1.086.669.807

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.



Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-49

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Lương Đình Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Ủy viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Ủy viên
Ông Nguyễn Tường Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2020
Ông Cao Trung Ngoan	Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/08/2020
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2020
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2020
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2020
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 31/01/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban
Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Số: 190321.019/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng được lập ngày 19 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 149,9 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dùng trích khấu hao, dùng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Tuy nhiên, Công ty cũng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

(Thông tin chi tiết về các vấn đề nêu trên xem tại Thuyết minh số 34 - Thông tin khác).

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty (đính kèm).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05, bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản vay tương ứng được ghi nhận đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 27/03/2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.201.964.972.682	2.843.816.477.954
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	160.818.494.595	274.089.619.305
111	1. Tiền		116.818.494.595	59.889.619.305
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	214.200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.574.838.000.000	2.155.035.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.574.838.000.000	2.155.035.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		384.535.880.823	330.828.103.200
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	308.947.260.125	291.493.964.430
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.065.422.473	4.238.768.976
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	101.784.280.829	71.906.616.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(37.261.082.604)	(36.811.246.286)
140	IV. Hàng tồn kho	9	63.060.901.662	57.618.258.728
141	1. Hàng tồn kho		63.060.901.662	57.618.258.728
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.711.695.602	26.245.496.721
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	17.423.246.539	23.416.648.647
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		136.991.553	2.746.643.474
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.151.457.510	82.204.600
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.609.455.552.279	2.941.361.754.574
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		230.986.000	266.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	230.986.000	266.986.000
220	II. Tài sản cố định		2.275.310.611.244	2.491.599.494.404
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.272.770.053.008	2.488.844.965.506
222	- Nguyên giá		7.164.741.844.539	7.157.705.294.711
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.891.971.791.531)	(4.668.860.329.205)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.540.558.236	2.754.528.898
228	- Nguyên giá		38.679.799.838	38.154.799.838
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.139.241.602)	(35.400.270.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.808.603.262	2.141.043.844
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.808.603.262	2.141.043.844
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	268.159.937.101	351.033.260.518
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252.008.432.113	261.479.255.530
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.632.636.000	17.755.136.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.481.131.012)	(1.201.131.012)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	73.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		58.945.414.672	96.320.969.808
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	47.110.635.811	55.419.634.202
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.a	11.834.778.861	40.901.335.606
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.811.420.524.961	5.785.178.232.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.152.500.748.985	1.376.894.362.982
310	I. Nợ ngắn hạn		479.525.851.163	686.801.287.098
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	89.037.706.459	75.265.941.546
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.623.499.921	5.187.630.361
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	59.106.311.739	78.383.480.391
314	4. Phải trả người lao động		168.647.436.561	159.149.945.247
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	62.499.993.329	207.015.863.137
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	11.682.018.859	80.628.067.443
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	35.192.369.212	33.234.797.596
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	13.000.000.000	12.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.736.515.083	35.935.561.377
330	II. Nợ dài hạn		672.974.897.822	690.093.075.884
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	664.869.184.283	682.443.408.951
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.b	8.105.713.539	7.649.666.933
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.658.919.775.976	4.408.283.869.546
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	4.658.919.775.976	4.408.283.869.546
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		70.026.658.714	72.599.527.038
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		606.110.347.280	476.002.019.450
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		651.039.856.992	583.367.538.488
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		204.412.820.226	195.511.609.969
421b	LNST chưa phân phối năm nay		446.627.036.766	387.855.928.519
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		675.444.604.099	620.016.475.679
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.811.420.524.961	5.785.178.232.528

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.030.662.780.091	2.116.616.876.172
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.030.662.780.091	2.116.616.876.172
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.301.949.876.669	1.404.249.933.009
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		728.712.903.422	712.366.943.163
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	161.614.636.342	139.193.077.274
22	7. Chi phí tài chính	25	30.369.191.848	53.092.728.077
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.932.997.970	42.499.523.525
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		27.945.323.664	31.502.363.740
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	189.055.007.566	211.224.043.891
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		698.848.664.014	618.745.612.209
31	12. Thu nhập khác	27	1.711.116.433	3.639.094.079
32	13. Chi phí khác	28	940.557.901	144.287.701
40	14. Lợi nhuận khác		770.558.532	3.494.806.378
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		699.619.222.546	622.240.418.587
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	105.801.487.522	131.004.340.047
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.c	29.522.603.351	(11.565.863.044)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		564.295.131.673	502.801.941.584
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		446.627.036.766	387.855.928.519
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		117.668.094.907	114.946.013.065
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.366	1.186

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		699.619.222.546	622.240.418.587
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		223.585.967.800	331.036.266.899
03	- Các khoản dự phòng		1.729.836.318	16.304.195.071
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18.309.955.566	9.074.810.983
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(184.177.147.374)	(168.629.178.272)
06	- Chi phí lãi vay		8.932.997.970	42.499.523.525
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		768.000.832.826	852.526.036.793
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.380.973.992)	52.784.167.968
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.442.642.934)	(8.136.623.264)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		20.343.826.376	20.406.065.504
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.302.400.499	(1.629.156.761)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(154.352.974.673)	(5.433.560.694)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(122.837.325.019)	(108.501.760.312)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.350.000	398.721.500
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(68.916.640.324)	(65.462.722.413)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		430.739.852.759	736.951.168.321
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.848.196.449)	(40.866.009.904)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.980.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.912.838.000.000)	(3.315.800.759.737)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.566.035.000.000	2.612.005.930.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.270.828.284	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		159.213.254.935	108.374.935.570
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(198.167.113.230)	(634.305.904.071)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(33.633.213.614)	(32.974.415.475)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(311.702.417.100)	(189.878.519.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(345.335.630.714)	(222.852.935.325)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(112.762.891.185)	(120.207.671.075)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		274.089.619.305	394.491.321.799
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(508.233.525)	(194.031.419)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>160.818.494.595</u>	<u>274.089.619.305</u>



Nguyễn Thị Quyên
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 3.269.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.269.600.000.000 đồng; tương đương 326.960.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1.494 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1.491 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Cấu trúc Tập đoàn**- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	51%	51%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	60%	60%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai dất, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 05 Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

- Công ty có các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	16 Hoàng Diệu, P.Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP GHG Logistics)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng ⁽¹⁾	Số 4, Đường Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển
Công ty CP Vinalines Đông Bắc ⁽²⁾	Số 1, Đường Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Lô CN 3.2 F, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.Hải Phòng	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ ⁽³⁾	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Quận Hải An, TP.Hải Phòng	24,99%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ ⁽³⁾	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Quận Hải An, TP.Hải Phòng	23,26%	45,60%	Đại lý vận tải và giao nhận, dịch vụ kho bãi

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp các dịch vụ tại cảng biển và diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.621.967.629	1.754.097.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	113.475.672.126	58.110.521.934
Tiền đang chuyển	1.720.854.840	25.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	44.000.000.000	214.200.000.000
	<u>160.818.494.595</u>	<u>274.089.619.305</u>

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 44.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	2.574.838.000.000	-	2.155.035.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.574.838.000.000	-	2.155.035.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	73.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	73.000.000.000	-
	<u>2.574.838.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.228.035.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2020, đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 2.574.838.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,9%/năm đến 7,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	30,52%	28.223.354.039	30,52%	30,52%	26.394.910.972
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	27,61%	27,61%	25.741.284.585	27,61%	27,61%	25.918.421.533
- Công ty Cổ phần HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	38,81%	38,81%	13.356.871.621	38,81%	38,81%	13.151.486.190
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	32,24%	32,24%	-	32,24%	32,24%	-
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc	25,00%	25,00%	-	25,00%	25,00%	-
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	20,00%	20,00%	3.178.436.588	20,12%	20,12%	2.526.630.725
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	24,99%	50,00%	163.795.205.739	26,01%	50,00%	169.345.433.517
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	23,26%	45,60%	17.713.279.541	23,26%	45,60%	24.142.372.593
			252.008.432.113			261.479.255.530

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB) (*)	15.307.119.745	28.263.412.400	-	15.307.119.745	-	-
- Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải (**)	144.385.243	-	-	144.385.243	-	-
- Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng (HAC) (*)	-	-	-	122.500.000	661.756.920	-
- Công ty CP Vinalines Logistics (VLG) (*)	2.181.131.012	700.000.000	(1.481.131.012)	2.181.131.012	980.000.000	(1.201.131.012)
	17.632.636.000		(1.481.131.012)	17.755.136.000	19.396.892.920	(1.201.131.012)

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa trên sàn chứng khoán Upcom và sàn chứng khoán Hose tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020.

(**) Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng Hải Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB)	Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	1.503.373	0,13%	Hoạt động dịch vụ tài chính.
- Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải	44 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	1.375	3,06%	In ấn; Hóa đơn điện tử; Tin học; Cho thuê văn phòng.
- Công ty CP Vinalines Logistics (VLG)	Phòng 405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	200.000	1,41%	Logistics và vận tải hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ocean Network Express Pte., Ltd	10.156.782.081	-	11.187.985.469	-
- Wan Hai Lines	8.821.050.248	-	13.829.154.898	-
- Maersk Lines A/S	8.118.548.440	-	8.989.479.894	-
- Sealand Maersk Asia Pte. Ltd (trước đây là MCC Transport Singapore Pte. Ltd)	9.886.234.218	-	9.575.900.189	-
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	24.866.712.741	-	33.148.385.208	-
- Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco	3.406.641.562	-	7.211.072.142	-
- SITC CONTAINER LINES CO.,	9.947.051.701	-	17.795.432.088	-
- Công ty TNHH KMTC	1.753.479.872	-	1.191.188.996	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	7.806.416.452	-	11.477.022.428	-
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	9.930.305.723	(9.930.305.723)
- Phải thu khách hàng khác	214.254.037.087	(27.330.776.881)	167.158.037.395	(26.880.940.563)
	<u>308.947.260.125</u>	<u>(37.261.082.604)</u>	<u>291.493.964.430</u>	<u>(36.811.246.286)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>27.998.533.944</u>	<u>-</u>	<u>23.006.086.457</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu Cần	1.557.041.155	-	396.073.500	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng hải	1.183.531.133	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	940.043.395	-	-	-
- Công ty Cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp	1.560.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	5.824.806.790	-	3.842.695.476	-
	11.065.422.473	-	4.238.768.976	-

7 . PHẢI THU KHÁC

a)		31/12/2020		01/01/2020	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Ngắn hạn				
	Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.535.363.724	-	52.024.125.840	-
	Phải thu về kinh phí công đoàn	108.051.500	-	-	-
	Phải thu về bảo hiểm xã hội	151.806.030	-	-	-
	Phải thu về bảo hiểm y tế	647.796	-	-	-
	Tạm ứng	727.585.237	-	452.873.016	-
	Ký cược, ký quỹ	300.000.000	-	-	-
	Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	2.783.977.978	-	12.465.953.441	-
	Khấu hao tài sản cầu số 4, số 5 bãi container	44.887.141.500	-	-	-
	Chùa Vẽ (*)				
	Phải thu khác	4.289.707.064	-	6.963.663.783	-
		101.784.280.829	-	71.906.616.080	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

7 . PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Phải thu khác	230.986.000	-	266.986.000	-
	230.986.000	-	266.986.000	-

(*) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.
(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 34 - Thông tin khác).

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Hoàng Ngân	777.244.311	-	777.244.311	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô cảng Hải Phòng	3.309.104.650	-	3.322.171.132	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	6.628.866.818	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	5.032.987.190	-	5.050.795.970	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Linh	2.100.000.000	-	2.100.000.000	630.000.000
- Các khoản khác	14.013.977.535	4.531.403.623	11.520.465.978	1.888.603.646
	41.792.486.227	4.531.403.623	39.329.849.932	2.518.603.646

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.768.602.964	-	46.408.229.737	-
Công cụ, dụng cụ	11.322.760.751	-	11.144.559.328	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.235.000	-	-	-
Thành phẩm	7.700.000	-	-	-
Hàng hoá	937.602.947	-	65.469.663	-
	63.060.901.662	-	57.618.258.728	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.808.603.262	2.020.043.844
- Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	-	65.009.133
- Dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (*)	4.656.783.218	578.639.438
- Dự án cải tạo cầu 3,4 Cảng Chùa Vẽ phục vụ lắp đặt cần cầu quay	429.634.364	429.634.364
- Các công trình khác	1.722.185.680	946.760.909
Mua sắm tài sản cố định	-	121.000.000
- Nâng cấp phần mềm TOS	-	121.000.000
	<u>6.808.603.262</u>	<u>2.141.043.844</u>

(*) Thông tin dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có (45%) và Vốn vay tín dụng (55%);
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025. Dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác bến số 3 từ năm 2022;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Khảo sát địa hình, địa chất, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500...vv..).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.744.988.473.940	717.791.619.261	3.622.376.169.673	72.549.031.837	7.157.705.294.711
- Mua trong năm	92.280.000	488.900.000	4.634.416.364	657.573.000	5.873.169.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	172.581.157	-	-	1.271.799.307	1.444.380.464
- Thanh lý, nhượng bán	(281.000.000)	-	-	-	(281.000.000)
Số dư cuối năm	2.744.972.335.097	718.280.519.261	3.627.010.586.037	74.478.404.144	7.164.741.844.539
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.645.618.081.393	542.050.896.986	2.429.400.754.609	51.790.596.217	4.668.860.329.205
- Khấu hao trong năm	62.187.162.749	36.541.256.871	119.724.789.836	4.939.252.870	223.392.462.326
- Thanh lý, nhượng bán	(281.000.000)	-	-	-	(281.000.000)
Số dư cuối năm	1.707.524.244.142	578.592.153.857	2.549.125.544.445	56.729.849.087	4.891.971.791.531
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.099.370.392.547	175.740.722.275	1.192.975.415.064	20.758.435.620	2.488.844.965.506
Tại ngày cuối năm	1.037.448.090.955	139.688.365.404	1.077.885.041.592	17.748.555.057	2.272.770.053.008

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.118.924.132.229 đồng.

Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình đối với cầu cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2020 là 149,9 tỷ đồng).

Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.

Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.

Trong năm 2020, Công ty đã tạm dừng trích khấu hao đối với các tài sản này. Giá trị khấu hao ước tính là 6,2 tỷ đồng.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 34 - Thông tin khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm nghiệp vụ với nguyên giá là 38.679.799.838 đồng và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là 36.139.241.602 đồng, giá trị khấu hao trong năm là 738.970.662 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.813.548.817	4.528.356.508
Phí bảo hiểm	6.820.852.563	6.580.837.272
Chi phí sửa chữa tài, nạo vét	3.693.373.050	8.226.824.236
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.095.472.109	4.080.630.631
	<u>17.423.246.539</u>	<u>23.416.648.647</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	12.582.473.577	18.184.604.158
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.999.434.150	7.852.907.479
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	27.882.792.145	28.646.704.261
Chi phí trả trước dài hạn khác	645.935.939	735.418.304
	<u>47.110.635.811</u>	<u>55.419.634.202</u>

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTD - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cảng Đình Vũ được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty Cảng Đình Vũ đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Cảng	-	-	413.719.564	413.719.564
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	-	2.962.756.631	2.962.756.631
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	736.002.073	736.002.073	4.227.322.631	4.227.322.631
- Công ty Cổ phần Unico Vina	3.465.927.080	3.465.927.080	-	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico	4.439.932.200	4.439.932.200	-	-
- Công ty Cổ phần kiến trúc và xây dựng Thành Đông	4.371.175.000	4.371.175.000	-	-
- Công ty Cổ phần Dolphin	2.060.708.100	2.060.708.100	1.728.205.050	1.728.205.050
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	1.390.974.200	1.390.974.200	-	-
- Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.057.421.200	1.057.421.200	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải 568	1.721.430.000	1.721.430.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương binh Bình Lợi	1.154.657.020	1.154.657.020	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại dịch vụ hàng hải Hải An tại Hải Phòng	4.408.921.000	4.408.921.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	64.230.558.586	64.230.558.586	65.933.937.670	65.933.937.670
	89.037.706.459	89.037.706.459	75.265.941.546	75.265.941.546
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem chi tiết tại thuyết minh số 36)	-	-	2.962.756.631	2.962.756.631

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.812.242.614	73.703.512.654	74.347.991.734	-	4.167.763.534
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.284.962	35.798.489.880	105.801.487.522	122.837.325.019	208.041.826	18.955.409.247
Thuế Thu nhập cá nhân	66.919.638	2.495.282.556	20.055.331.545	22.690.676.840	943.415.684	736.433.307
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	35.277.465.341	52.040.703.706	52.071.463.396	-	35.246.705.651
Các loại thuế khác	-	-	66.958.029	66.958.029	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	439.370.657	439.370.657	-	-
	82.204.600	78.383.480.391	252.107.364.113	272.453.785.675	1.151.457.510	59.106.311.739

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	60.942.310.862	206.362.287.565
- Chi phí phải trả khác	1.557.682.467	653.575.572
	62.499.993.329	207.015.863.137

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả tạm tính cho khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 59.173.894.308 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 204.506.678.033 đồng). Trong năm, Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu cảng số 04, số 05 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/07/2014 đến 31/12/2018 là 149.331.122.261 đồng.
(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 34 - Thông tin khác).

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	470.154.606	1.047.249.219
- Bảo hiểm xã hội	2.622.693	-
- Bảo hiểm y tế	1.167.316	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.477.513	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.978.046.400	68.504.463.500
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	7.560.576.000	9.160.491.875
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.649.974.331	1.909.862.849
	11.682.018.859	80.628.067.443
	-	60.528.275.400

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả ⁽¹⁾	33.234.797.596	33.234.797.596	35.675.487.848	33.717.916.232	35.192.369.212	35.192.369.212
	33.234.797.596	33.234.797.596	35.675.487.848	33.717.916.232	35.192.369.212	35.192.369.212
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II ⁽¹⁾	332.347.975.960	332.347.975.960	18.101.263.180	33.717.916.232	316.731.322.908	316.731.322.908
- Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung ⁽²⁾	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
- Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 bãi container, bến Cảng chùa Vẽ ⁽²⁾	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
	715.678.206.547	715.678.206.547	18.101.263.180	33.717.916.232	700.061.553.495	700.061.553.495
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(33.234.797.596)	(33.234.797.596)	(35.675.487.848)	(33.717.916.232)	(35.192.369.212)	(35.192.369.212)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	682.443.408.951	682.443.408.951			664.869.184.283	664.869.184.283

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm và phí vay lại 0,2%/năm; lãi và gốc được trả thành 40 kỳ vào ngày 20 tháng 02 và ngày 20 tháng 08 hàng năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

(2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải ("Quyết định 4196/QĐ-BGTVT").

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay với số tiền lãi ước tính là 26,4 tỷ đồng đối với giá trị khoản vay cầu cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ.

Tại Văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP - QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Dự phòng quỹ tiền lương	13.000.000.000	12.000.000.000
	<u><u>13.000.000.000</u></u>	<u><u>12.000.000.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

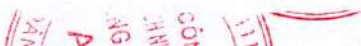
20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	364.436.958.452	426.203.609.627	576.901.378.602	4.096.439.782.610
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	387.855.928.519	114.946.013.065	502.801.941.584
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	111.473.688.453	(230.175.997.436)	(71.562.787.988)	(190.265.096.971)
Tăng khác	-	-	-	91.372.545	-	-	91.372.545
Giảm khác	-	-	-	-	(516.002.222)	(268.128.000)	(784.130.222)
Số dư cuối năm trước	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	476.002.019.450	583.367.538.488	620.016.475.679	4.408.283.869.546
Số dư đầu năm nay	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	476.002.019.450	583.367.538.488	620.016.475.679	4.408.283.869.546
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	446.627.036.766	117.668.094.907	564.295.131.673
Phân phối lợi nhuận Công ty Mẹ	-	-	-	87.405.902.394	(324.459.195.394)	-	(237.053.293.000)
Phân phối lợi nhuận Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	-	-	-	39.336.936.112	(52.341.936.112)	(61.495.000.000)	(74.500.000.000)
Phân phối lợi nhuận Công ty Cổ phần Lai đất và Vận Tải Cảng Hải Phòng	-	-	-	720.000.000	(1.837.449.730)	(744.966.487)	(1.862.416.217)
Tăng do phân loại	-	-	-	2.572.868.324	-	-	2.572.868.324
Tăng khác	-	-	-	72.621.000	-	-	72.621.000
Giảm khác do Công ty liên kết phân phối quỹ	-	-	-	-	(316.137.026)	-	(316.137.026)
Giảm do phân loại	-	(2.572.868.324)	-	-	-	-	(2.572.868.324)
Số dư cuối năm nay	3.269.600.000.000	70.026.658.714	(613.301.691.109)	606.110.347.280	651.039.856.992	675.444.604.099	4.658.919.775.976

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Cổ đông không kiểm soát (DVP)		Cổ đông không kiểm soát (TUG)		Trong đó số phần phối trong năm 2019	
	Công ty mẹ VND	Công ty mẹ VND	Công ty mẹ VND	Công ty mẹ VND	VND	Tại công ty mẹ VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	39.336.936.112	37.794.311.167	720.000.000	480.000.000	-	87.405.902.394
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.005.000.000	12.495.000.000	1.117.449.730	744.966.487	-	40.877.293.000
Chi trả cổ tức	51.000.000.000	49.000.000.000	1.620.000.000	1.080.000.000	62.700.000.000	196.176.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000
Các cổ đông khác	7,44%	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000
	100%	3.269.600.000.000	100%	3.269.600.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	68.504.463.500	130.784.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	245.176.000.000	68.504.463.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	245.176.000.000	68.504.463.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(311.702.417.100)	(130.784.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(311.702.417.100)	(130.784.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>1.978.046.400</u>	<u>68.504.463.500</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	326.960.000	326.960.000
- Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
- Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	606.110.347.280	476.002.019.450
	606.110.347.280	476.002.019.450

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 4 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng và dịch vụ ăn uống. Diện tích khu đất thuê là 2.276,8 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thửa đất trên đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Công ty đã hoàn tất thủ tục hồ sơ để xin gia hạn tiếp tục được thuê đất để phục vụ kinh doanh. Sở Tài nguyên và Môi trường TP.Hải Phòng đã trình hồ sơ lên UBND TP.Hải Phòng, Tuy nhiên UBND trả lời không gia hạn cho thửa đất trên, vì nằm trong kế hoạch di dời Cảng Hải Phòng từ năm 2020-2025 thuộc dự án Nam Sông Cấm. Do vậy Sở Tài nguyên và Môi trường không ký gia hạn hợp đồng thuê đất cho Công ty.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP.Hải Phòng theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, hiện nay là Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ với diện tích sử dụng là: 236,820,2 m², trong đó có các Quyết định giao đất như sau: Số 531/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 30/3/1999 diện tích cấp đất là 55.693,9 m²; Số 1869/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 27/9/2000 diện tích cấp đất là 8.451,5 m²; Số 1184/QĐ-UBND Hải Phòng ngày 22/4/2004 diện tích cấp đất là: 74.776,2m²; Diện tích đất còn lại là 97.898,6 m² Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao từ năm 1955 nhưng chưa có quyết định giao đất. Khu đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chênh lệch diện tích đất theo quyết định đã cấp, vì vậy phải chờ UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định giao diện tích đất là 97.898,6 m² cho Công ty. Tại đây, Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích và chấp hành tốt quy định về luật đất đai.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 9 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng để sử dụng làm trụ sở Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.022 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP.Hải Phòng với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất. Công ty đang sử dụng khu đất để làm kho bãi chứa hàng.
- Thửa đất tại số 02 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ nối liền giữa đường Hoàng Diệu và đường Lê Thánh Tông với tổng diện tích quản lý và sử dụng là 329.613,9 m². Trong đó, diện tích sử dụng sản xuất kinh doanh là 154.127,3 m². Diện tích còn lại là 175.486,6 m² là khu vực ga phân loại trong cảng gồm 07 làn đường sắt, 01 trạm cân toa và hành lang đường sắt chạy dọc trong cảng, đường giao thông trong cảng. Khu vực bãi phòng không trại pháo 37 ly và 03 hầm trú ẩn tập thể do Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng quản lý. Hiện nay khu đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy hoạch di dời cảng để thực hiện dự án Nam Sông Cấm. Công ty được tiếp quản thửa đất này từ năm 1955 (Cảng chính) và đang làm trụ sở kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- Công ty được giao thửa đất tại Khu hậu cần Bến Gót - Cát Hải theo Quyết định số 425/QĐ-UBND Thành phố Hải Phòng ngày 27/02/2006. Diện tích khu đất là 5.299 m². Công ty đã hoàn thiện hồ sơ để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng khu nhà hậu cần phục vụ khu neo đậu chuyên tải cho cán bộ nhân viên của Công ty khi làm hàng chuyển tải tại đây. Ngày 05/4/2017, UBND huyện Cát Hải có Thông báo số 480/TB-UBND thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) do Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ làm chủ đầu tư, vì vậy thửa đất không đưa vào sử dụng. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án thu hồi thửa đất này. Hiện nay thửa đất này không phải trả tiền thuê đất.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất tại phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m² với thời hạn thuê là 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ quyết định số 4120/QĐ - CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm kể từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02/2020.

- Hợp đồng thuê đất số 27/2025/HĐTĐ - MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương với tổng diện tích đất thuê là 44.417 m², thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
(Xem thêm tại Thuyết minh số 13).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.453.654,80	489.962,76
- Đồng Euro (EUR)	5,14	5,14

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.030.662.780.091	2.116.616.876.172
	2.030.662.780.091	2.116.616.876.172
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	1.050.573.468.828	664.304.303.539

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.301.949.876.669	1.404.249.933.009
	1.301.949.876.669	1.404.249.933.009
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	26.225.838.012	23.122.933.748

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	155.715.553.629	134.997.875.342
Lãi bán các khoản đầu tư	556.342.280	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.939.190	148.939.190
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.090.649.193	4.037.394.882
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	238.465.990	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.686.060	8.867.860
	<u>161.614.636.342</u>	<u>139.193.077.274</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.932.997.970	42.499.523.525
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	49.011.389	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.558.760.933	10.533.204.552
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.548.421.556	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	280.000.000	60.000.000
	<u>30.369.191.848</u>	<u>53.092.728.077</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.665.392.364	-
Chi phí nhân công	111.637.576.151	122.697.995.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.655.933.284	6.794.522.301
Thuế, phí, lệ phí	22.644.000	-
Chi phí dự phòng	449.836.318	4.264.826.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.398.958.660	6.669.349.662
Chi phí khác bằng tiền	60.224.666.789	70.797.350.088
	<u>189.055.007.566</u>	<u>211.224.043.891</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.980.000.000
Tiền phạt thu được	-	1.840.000
Tiền điện cho thuê ngoài	759.863.430	1.240.507.669
Thu nhập khác	951.253.003	416.746.410
	<u>1.711.116.433</u>	<u>3.639.094.079</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền điện cho thuê ngoài	87.128.215	-
Các khoản bị phạt	779.634.309	-
Chi phí khác	73.795.377	144.287.701
	940.557.901	144.287.701

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	39.577.754.717	66.147.265.729
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần phát triển Cảng Đình Vũ	52.666.101.094	54.641.514.802
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	12.254.725.048	8.695.292.373
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.297.870.126	1.513.394.062
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV KTNV Cảng Hải Phòng	5.036.537	6.873.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	105.801.487.522	131.004.340.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	35.783.204.918	13.280.625.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(122.837.325.019)	(108.501.760.312)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	18.747.367.421	35.783.204.918

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.834.778.861	40.901.335.606
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.834.778.861	40.901.335.606
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	8.105.713.539	7.649.666.933
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	8.105.713.539	7.649.666.933

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	148.789.149	(361.074.885)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.866.224.452	41.375.382
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(31.967.707)	(7.446.163.541)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(460.442.543)	(3.800.000.000)
	29.522.603.351	(11.565.863.044)

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	446.627.036.766	387.855.928.519
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	446.627.036.766	387.855.928.519
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.366	1.186

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.081.087.859	156.715.513.672
Chi phí nhân công	718.779.215.467	719.492.376.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.585.967.800	331.036.266.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.720.545.728	122.370.057.789
Chi phí khác bằng tiền	278.838.067.381	281.594.934.957
	1.491.004.884.235	1.611.209.150.137

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.818.494.595	-	274.089.619.305	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	410.962.526.954	(37.261.082.604)	363.667.566.510	(36.811.246.286)
Các khoản cho vay	2.574.838.000.000	-	2.228.035.000.000	-
Đầu tư dài hạn	17.488.250.757	(1.481.131.012)	2.303.631.012	(1.201.131.012)
	3.164.107.272.306	(38.742.213.616)	2.868.095.816.827	(38.012.377.298)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	700.061.553.495	715.678.206.547
Phải trả người bán, phải trả khác	100.719.725.318	155.894.008.989
Chi phí phải trả	62.499.993.329	207.015.863.137
	863.281.272.142	1.078.588.078.673

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư dài hạn	-	16.007.119.745	-	16.007.119.745
	<u>-</u>	<u>16.007.119.745</u>	<u>-</u>	<u>16.007.119.745</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư dài hạn	-	1.102.500.000	-	1.102.500.000
	<u>-</u>	<u>1.102.500.000</u>	<u>-</u>	<u>1.102.500.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.818.494.595	-	-	160.818.494.595
Phải thu khách hàng, phải thu khác	373.470.458.350	230.986.000	-	373.701.444.350
Các khoản cho vay	2.574.838.000.000	-	-	2.574.838.000.000
	3.109.126.952.945	230.986.000	-	3.109.357.938.945
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.089.619.305	-	-	274.089.619.305
Phải thu khách hàng, phải thu khác	326.589.334.224	266.986.000	-	326.856.320.224
Các khoản cho vay	2.155.035.000.000	73.000.000.000	-	2.228.035.000.000
	2.755.713.953.529	73.266.986.000	-	2.828.980.939.529

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	35.192.369.212	664.869.184.283	-	700.061.553.495
Phải trả người bán, phải trả khác	100.719.725.318	-	-	100.719.725.318
Chi phí phải trả	62.499.993.329	-	-	62.499.993.329
	198.412.087.859	664.869.184.283	-	863.281.272.142
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	33.234.797.596	682.443.408.951	-	715.678.206.547
Phải trả người bán, phải trả khác	155.894.008.989	-	-	155.894.008.989
Chi phí phải trả	207.015.863.137	-	-	207.015.863.137
	396.144.669.722	682.443.408.951	-	1.078.588.078.673

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa Vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

Quá trình thực hiện của dự án

- Năm 2006, cả hai cầu cảng số 04 và 05 đã được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ đồng.

- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ đồng này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ đồng. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41.139.984.859 đồng.

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2020 là 279,7 tỷ đồng và 149,9 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ đồng (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container - Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 đồng (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 đồng và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 đồng).

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước các khoản trên và hạch toán vào:

+ Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 đồng (Xem thêm tại thuyết minh số 7).

+ Giảm số trích trước chi phí phải trả đối chi phí lãi vay tạm trích trước với tổng số tiền là: 149.331.122.261 đồng (Xem thêm tại thuyết minh số 16).

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05, bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.

- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:

+ Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04, 05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.

+ Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.

+ Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04, 05 và bãi container do nhà nước đầu tư.

- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.

Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
- Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	Công ty liên kết
- Công ty Vận tải biển Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty Mẹ
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Vận tải biển Vinalines	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	Đơn vị Trực thuộc Công ty mẹ

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu	1.050.573.468.828	664.304.303.539
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	2.760.000
Công ty Vận tải biển Vinalines - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	20.106.417.402	30.388.668.504
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	6.307.088.045	8.474.195.744
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	148.610.000	2.396.729.200
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	1.216.210.565	7.773.510.814
Công ty Cổ phần HPH Logistics	8.054.925.900	6.093.193.515
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	18.941.905.356	19.671.433.754
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	440.248.200	357.370.070
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước đây là Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam)	3.743.822.000	3.794.047.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	14.240.000	41.035.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	1.220.000	1.529.475.972
Chi nhánh Tổng Công ty HHVN tại Hải Phòng (Vinalines HP)	-	1.333.547.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	26.080.000	19.290.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	922.341.120	-
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	470.600.000	-
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	3.799.782.000	-
Công ty Vận tải biển Vinalines	12.623.432.839	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	27.897.365	-
Công ty Cổ phần Cảng Vinaline Đình Vũ	15.598.800	-
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Mua hàng	26.225.838.012	23.122.933.748
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	23.122.933.748
Công ty Vận tải biển Vinalines	10.129.759.000	-
Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinaline	12.956.811.980	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	5.315.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	2.767.585.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinaship	366.367.032	-
Chia cổ tức	181.580.505.600	60.528.275.400
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	181.580.505.600	60.528.275.400
Chi trả cổ tức	242.108.781.000	121.056.550.800
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	242.108.781.000	121.056.550.800
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	27.998.533.944	23.006.086.457
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	760.353.324
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	37.708.000	382.664.020
Công ty Cổ phần HPH Logistic	1.017.993.123	1.016.409.895
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.309.104.650	3.322.171.132
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	7.480.344.764	7.311.649.445
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	2.371.783.356	1.157.829.743
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	916.855.500	1.083.027.000
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Chi nhánh TCT Hàng Hải VN - Công ty TNHH MTV	8.740.419.054	5.670.472.868
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	2.301.509.030	2.301.509.030
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	1.677.909.173	-
	144.907.294	-
Phải trả người bán	-	2.962.756.631
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	2.962.756.631
Phải trả khác	-	60.528.275.400
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	60.528.275.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm nay
		VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	Chức danh	540.000.000
Phạm Hồng Minh	Chủ tịch	-
Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	108.000.000
Lương Đình Minh	Ủy viên	108.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	-
Đỗ Thị Thanh Thủy	Ủy viên	108.000.000
Vũ Quyết Thắng	Ủy viên	108.000.000
Nguyễn Xuân Kỳ	Ủy viên	108.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Chức danh	8.145.461.111
Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	1.599.597.023
Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	856.034.851
Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	1.554.454.750
Cao Trung Ngoan	Nguyên Tổng Giám đốc	91.841.649
Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	447.952.735
Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	563.407.023
Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	578.897.298
Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	564.189.195
Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	802.416.780
Trần Thị Thanh Hải	Kế toán trưởng	1.086.669.807

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.



Nguyễn Thị Quyên
Người lập



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2021